

bị trôi, lách lao ra cứu. Tôi hét gọi quay lại. Nhưng không kịp rồi! Một loạt bom lại nổ, lách hy sinh cùng ba chiến sĩ của C3 mới chỉ viện chiêu qua.

VIII

Mờ sáng ngày thứ bảy, ở C1 về, tôi định về nhà ngủ thay quần áo. Vừa đến đầu ngõ đã gặp hai đứa con chị chủ nhà: thằng Hải bảy tuổi tát cái Hòa, em nó, năm tuổi, khóc văng lên. Dưới chân chúng, một lọ thủy tinh đựng đường bị rơi vỡ tung tóe. Thằng Hải cũng vừa khóc vừa bóc đường vào mảnh lọ vỡ. Tôi dừng lại can:

— Hải, sao cháu lại đánh em?

Thằng Hải cãi lại:

— Sao nó lại đánh đồ hết đường, về mẹ cháu lại đánh cháu thôi.

— Cháu lớn, cháu phải bê cho em chứ, nó bé bê thế nào nời?

— Cháu đã bảo nó cầm bánh xà phòng, cháu bê lọ đường. Nó cứ đòi bê đường, lại còn nói: Không khiến, không khiến!

Tôi quay sang con bé. Cái Hà vội vàng nói trong nước mắt như thanh minh:

— Mẹ cháu bảo bê về rồi mẹ nấu chè cho ăn.

Thì ra, ăn cơm xong, cái Hà theo mẹ ra cửa hàng Hợp tác xã mua bán để mua đường và xà phòng. Có ai đó gọi chị ra đồng vội. Chị liền đưa lọ đường cho cái Hà rồi nựng con gái để cho nó khỏi theo:

-- Cái Hà ngoan, đứng đây trông, đợi anh Hải ra bê đường về, rồi mẹ nấu chè cho ăn nhé!

Thế là con bé thèm ăn chè quá, nên cố mà bê về. Thăng Hải ra đòi, nó cũng không cho anh bê đỡ. Chẳng may, nó bị vấp một hòn đá. Thế là ngã, lọ đường vỡ và quần áo lấm bê bết.

Tôi vội bế cái Hà về, lục trong túi còn gói lương khô đem qua chưa kịp ăn, đưa cho nó rồi dỗ nó. Tôi bảo Thăng Hải đưa em sang nhờ cô Mai tắm rửa cho. Rồi tôi sang ngay phòng chỉ huy.

Tôi mệt quá, ngồi xuống bàn, hai tay chống lên trán, đầu gục xuống tấm bản đồ, nghe đồng chí trợ lý tham mưu báo cáo tình hình tổng hợp sáu ngày qua.

Tôi rùng mình khi nghe những con số thương vong, số khí tài xe máy hư hỏng. Nhưng đau đầu hơn cả là số xe bị ùn lại trong mấy ngày qua ở bờ Bắc, ở bờ Nam Mỗi nơi dăm sáu trăm chiếc. Và số khoang thuyền còn lại không đủ bắc cầu cho đêm nay, đêm cuối cùng của chiến dịch. Số lượng xe qua đêm nay bằng tổng số hai đêm cộng lại. Liệu một đêm có thông được hết không? Nếu không hết, chúng tôi sẽ phải kéo dài thêm một đêm nữa. Có biết bao chuyện sẽ xảy ra khi mà mệnh lệnh không được chấp hành nghiêm chỉnh.

Đồng chí trợ lý tham mưu lại nhắc những cái ký hiệu đơn vị lên, đặt vào chỗ này đặt vào chỗ kia. Tôi liền gạt tay cậu ấy và toàn bộ những ký hiệu ấy ra:

-- Còn đâu nữa mà đi với đứng, tính với toàn? Nước cờ đã hoàn toàn bế tắc. Cũng chẳng còn quân mà thí nữa!

Vừa lúc đó, đồng chí chính trị viên phó vừa đi kiểm tra ở bến Suối Ba C2 về, nghe thấy tôi nói, anh vội

bước vào nhà. Anh nhìn tôi và nói to như bông đùa vui vẻ, cố làm cho không khí bớt nặng nề :

— Yên trí, chưa hết cách đâu. Anh còn một con xe chưa dùng đến. Đáng lẽ dùng nó từ lâu thì nhẹ nhàng, nhưng bây giờ dùng vẫn chưa muộn cơ mà!

Tôi đang ngạc nhiên, thì anh liền báo cáo cho tôi biết.

Thì ra ở bến Suối Ba, đại đội 2 đã thường xuyên tổ chức phòng tránh tốt và đánh địch tốt, chớp được thời cơ quay cầu và dỡ cầu nhanh nên ít bị địch đánh trúng. Đặc biệt trong ba hôm nay C2 đã tận dụng vật liệu tại chỗ, kết hợp với địa phương làm cầu phao luồng nữa, nên số khoang thuyền đã rút ra làm dự trữ. Mặt khác, có một cậu nào đó đã có sáng kiến làm cầu phao giả ở phía hạ lưu và nguy trang kỹ cầu chính nên bọn địch toàn đánh nhầm cả.

Trước khi về sở chỉ huy, đồng chí chính trị viên phó đã qua bến C1 nên đã nắm được tình hình ở bến Nậm Hắc. Anh đề nghị với tôi :

— Tôi đã điện báo cho C2 chuẩn bị một bộ phận sẵn sàng rồi, chờ lệnh anh.

Ngừng một lát, chưa thấy tôi trả lời, anh lại nói tiếp, như chính anh đã quyết định sẵn :

— Không còn cách nào khác. Tôi đã động viên anh em trạm sửa chữa rồi, nhưng cố gắng lắm cũng ch khôi phục được 10 khoang, còn thiếu những 8 khoang nữa, lại còn dự bị, ít nhất cũng 2 khoang nữa. Tôi đã điện cho C2 chuẩn bị đưa về 10 xe, nguy trang thật kín đáo, hành quân ban ngày, đi thật thưa. Chỉ ba tiếng có thể về kịp. Cánh tay lái C2 chúng nó dày dặn lắm...

Thì ra, anh đã tính toán cụ thể cả rồi. Không còn cách nào hơn thế nữa. Cái thân trọng của C1 mà tôi đã cố gắng xây đắp, tô vẽ, giương cao lên, đã sụp đổ và chìm ngấm theo đại đội trưởng của nó rồi. Không còn cách nào cứu vãn được nữa, đành phải nhờ C2 ứng cứu vạy thôi. May ra còn cứu vãn được danh dự của tiểu đoàn này, cứu vãn được cái đầu của tôi vạy.

Tôi suy nghĩ khá lâu. Rồi bỗng như người chết đuối vớ được cọc, tôi bỗng bật dậy, đập tay xuống bản đồ cố gắng nói cho vui:

— Đồng ý! Không những phải xuất xe mà còn phải xuất cả tướng nữa mới được!

Nói xong, tôi như người trút được một gánh nặng. Tôi thấy mình như tỉnh ra không buồn ngủ nữa. Tiếp đó, tôi bàn với đồng chí chính trị viên phó và trợ lý tham mưu về một số việc đề giải quyết hậu quả đêm qua và chuẩn bị cho trận quyết liệt đêm nay. Rồi tôi lại lao ngay xuống đại đội 1.

— À, anh Ký này! — Đồng chí chính trị viên gọi giật giọng.

— Gì nữa? — Tôi sốt ruột hỏi.

— Cái Mai không muốn đi học y sĩ đâu. Tôi đã đưa quyết định đi học cho nó, và nhờ xe binh trạm tối nay xuất phát đi thẳng ra ngoài Bắc, nhưng nó cứ nhùng nhằng không muốn đi.

— Thì tôi đã bảo cô ấy rồi cơ mà!

— Anh khuyên nó nữa xem sao?

Hôm qua binh trạm thông báo chiêu sinh lớp y sĩ cấp tốc. Tôi đã bàn với đồng chí chính trị viên phó là cho cô Mai đi. Thục lòng tôi muốn cho Mai được học

tập tiến bộ. Mặt khác cũng muốn Mai tạm thời xa tôi một thời gian, ít nhất là trong giai đoạn đang xây dựng đơn vị mới đầy thử thách này. Tôi không muốn có một tai tiếng gì về quan hệ giữa tôi và Mai cả.

IX

Cuốn nhật ký chiến đấu của đồng chí trợ lý tham mưu lại ghi:

— Đêm N+6 (tức ngày... tháng... năm...)

— Tình hình sông nước: vẫn bị lũ, lưu tốc các bến đều trên 2m/s.

— Đại đội 2 vẫn bảo đảm bằng cầu phao luồng nửa, chi viện về cho C1 10 khoang thuyền và 1 trung đội công binh. 16 giờ 30 đã có mặt đủ.

— C3 khắc phục hố bom ở giữa ngầm hết 23m³ đá

— Bến C1 do đại đội phó C2 chỉ huy bắc cầu và tiểu đoàn trưởng trực tiếp chỉ huy bến. C2 tăng cường thêm 4 neo và 1 cáp ghim ngang sông.

— Toàn tuyến thông cầu từ 17 giờ, cắt cầu 06 giờ 30 sáng.

— *Tình hình địch:*

— Bên Suối Ba địch đánh ba lần vào 20 giờ, 22 giờ 30, đều ra ngoài. 0 giờ 10 địch đánh trúng cầu, một đoạn phao luồng bị cháy. C2 dập tắt được ngay.

— 03 giờ 05 phút, C2 bắn cháy 1 máy bay F4 bằng súng bộ binh.

— Bến Nước Hai: bị đánh 3 lần, không việc gì.

cho một đơn vị mới lại càng không đơn giản. Không thể đốt cháy giai đoạn được, phải rèn luyện bền bỉ, đầu tư tích lũy lâu dài. Thổi nhanh lên cũng như bọt xà phòng mà thôi, sẽ bị vỡ tan tành không còn một cái gì cả.

• * •

Chiến dịch K2 đã kết thúc.

06 giờ 30 Binh trạm trưởng đã lệnh dỡ cầu, chuẩn bị hành quân vào tuyến trong theo kế hoạch đợt 2 của chiến dịch.

Sau khi kiểm tra cầu, trên đường từ bến về nơi đỗ xe, tôi nghe thấy đồng chí Tư lệnh nói với Binh trạm trưởng:

— Xe máy phải biết sử dụng, đúng tinh năng kỹ thuật thì mới phát huy hết tác dụng của nó và mới giữ được lâu bền. Con người cũng vậy. Phải biết sử dụng đúng khả năng của từng người thì mới phát huy được tài năng của họ và tạo được điều kiện cho họ ngày càng phát triển. Người chỉ huy giỏi, trước hết là phải biết tổ chức giỏi, tức là biết sử dụng con người, sử dụng xe máy, trang bị một cách hợp lý. Sử dụng con người — đó là một nghệ thuật...

Sau khi tiễn Tư lệnh Mặt trận và Binh trạm trưởng đi qua tuyến, tôi quay về sở chỉ huy. Bỗng người như muốn quy xuống. Chân tay rã rời. Những ngày đêm căng thẳng thần kinh quá, bây giờ như mới có dịp thả chùng xuống. Mệt mỏi và buồn ngủ. Tôi giao việc lại cho đồng chí chính trị viên phó, rồi quay về nhà ngủ.

Con bé Hà – con chị chủ nhà – thấy tôi về, nó reo lên, chạy lại ôm chầm lấy tôi:

– A, a... Chú Ký, chú Ký đã về!

Tôi bế nó lên rồi vuốt ve hỏi nó:

– Thế hôm qua mẹ cháu có đánh cháu không?

Nó vội vàng khoe:

– Ừ ừ, mẹ không đánh cháu. Mẹ không mắng cháu mà còn khen cháu ngoan nữa cơ!

– Thế mẹ cháu có cho ăn chè không?

– Không. Mẹ cháu phạt không cho ăn chè nữa, còn bảo cháu, lần sau không được tranh công với anh như thế, đồ vỡ hết lọ đường thì lấy gì mà ăn nữa? – Rồi nó lại léo nhéo hỏi: – Chú Ký ơi, cô Mai đã về chưa? Hôm qua cô bảo đến sáng nay cô sẽ tết tóc đẹp cho cháu, cô sẽ làm hoa bằng giấy cho cháu chơi này.. Thế cô Mai sắp về chưa?

Nghe con bé Hà nhắc đến tên Mai, tôi bỗng sửng sốt cả người, và tự dưng nước mắt trào ra. Tôi ôm chặt bé Hà vào lòng, không dám trả lời nó. Tôi nhắm mắt lại. Hình ảnh Mai chập chờn đến.

Đêm qua, cái đêm cuối cùng của chiến dịch ấy, Mai tìm xuống bến gặp tôi. Lúc đó vào khoảng nửa đêm, cầu vẫn thông, tình hình đang yên tĩnh.

Tôi đang ngồi nghỉ một mình ở bờ sông phía thượng lưu và đang say sưa ngắm nhìn từng đoàn xe nối đuôi nhau rầm rập qua cầu ra mặt trận. Khi quay lại thì thấy Mai không biết từ đâu đến, ngồi bên cạnh tôi từ lúc nào cũng không hay.

– Ô Mai đến đây từ lúc nào thế, làm người ta giật cả mình?

— Anh thì lúc nào mà chả giết mình! Lại sợ em làm ảnh hưởng tới cái chức tiểu đoàn trưởng sắp tới chứ gì?

— Sao Mai lại nói thế? Tôi đã bảo cô đi học y sĩ cơ mà? Tại sao lại không đi?

— Em chưa muốn đi, vì anh chưa nói gì với em cả!

— Nói gì cơ?

— Trời ơi, chẳng lẽ anh lại còn ngây thơ thế ư? Hay lúc nào anh cũng ra về mô phạm, ra về đạo đức? Hay anh muốn bắt em phải nói với anh: em yêu anh! Anh có yêu em không, anh Ký?

Mai nhìn thẳng vào mắt tôi, chờ đợi. Tôi bỗng run run, khẽ trả lời lúng túng:

— Có chứ, anh có yêu em...

— Tại sao lại trốn tránh em?

— Nhưng anh sợ...

Bỗng nhiên giọng Mai trở nên nhất gừng và ngày càng trở nên gay gắt:

— Anh sợ cái gì? Một tình yêu chân chính anh cũng sợ ư? Anh sợ «tai tiếng» à? Hay anh tưởng tôi — Mai thay hẳn cách xưng hô — là một đứa con gái hư đến với anh chứ gì? Anh tưởng tôi yêu anh vì danh vọng, vì địa vị ư, vì cái cấp thượng úy hay cái chức tiểu đoàn trưởng của anh ư? Vì sao anh già như vậy mà tôi vẫn yêu anh, anh không biết sao? Anh chỉ nghĩ đến bản thân anh thì anh còn coi trọng gì ai nữa! Anh đã coi thường tình yêu của tôi với anh, mà chính em gái anh đã vun đắp cho tôi từ thuở bé. Cái thần tượng con người lý tưởng của anh đã làm tôi tan vỡ. Anh hoàn toàn chỉ là một con người ích kỷ, hẹp hòi, đố kỵ và nhỏ nhen. Thôi vĩnh biệt anh! Mai tôi sẽ đi! Đi học

hoặc đi đầu cũng được. Miễn là xa anh để anh khỏi nhìn thấy tôi, khỏi ảnh hưởng, khỏi tai tiếng. Chào anh!

Nói liền một hơi không nghỉ, rồi Mai chạy lao về phía đầu cầu. Trong cơn phấn nộ, tâm thần bất định cố chạy lao qua cầu để trở về sở chỉ huy tiểu đoàn. Tôi vội vàng chạy đuổi theo Mai. Nhưng giữa lúc đó máy bay giặc Mỹ bất thình lình đến. Hàng chùm bom nổ ngay trên mặt cầu trùm lên đoàn Mai vừa chạy tới.

— Mai! — Tôi bỗng hét gọi thật to, lạc cả giọng, rồi quy xuống.

Cầu bị đứt. Những khoang thuyền bị bắn tung lên, rồi chìm xuống sông hoặc trôi đi. Lửa cháy khắp mặt sông. Người hy sinh duy nhất trong đêm lại là Mai.

Chuyện của con bé Hà cũng không làm sao cho tôi mở mắt ra được, hai mí cứ sụp lại, tôi ngã lăn vào giường, không kịp cởi giày và thay quần áo, ngất lịm đi. Con bé Hà tưởng tôi ngủ, nó lẳng lẳng bỏ đi chơi lúc nào không biết.

Một lát sau, đồng chí cơ yếu chạy đến, lay tôi dậy và đưa cho tôi một bức điện. Nội dung là:

Một, tôi được quyết định chính thức đề bạt là tiểu đoàn trưởng. Hai, cho tiểu đoàn hành quân về củng cố và sửa chữa xe máy, khí tài. Có nghĩa là tiểu đoàn tôi không thể hành quân ngay vào tuyến trong theo kế hoạch đợt 2 của chiến dịch được nữa, vì thương vong và xe máy, khí tài bị hư hỏng nhiều, phải có một thời gian dừng lại đề củng cố, bổ sung. Và, tất nhiên cấp trên lại phải điều một đơn vị khác thay chúng tôi, như chính tôi đã điều C2 thay C1 vậy (?)

Ngay sau đó, đồng chí liền lạc cũng đưa đến cho tôi một lá thư.

Thư con Loan, trời! — Tôi bỗng thốt lên — Tôi sẽ
ăn nói với nó làm sao đây? Có phải chính tôi đã vun
đắp cho nó một mối tình đẹp đẽ. Và lại chính tôi đã
chặt đứt niềm hy vọng cuộc đời của nó? Và nó đã vun
đắp cho tôi một tình yêu cao đẹp, nhưng lại chính tôi
đã bỏ rơi phũ phàng? ».

Tay tôi run run cầm lấy bức thư mà không dám xé
ra đọc. Tôi lại nằm xuống, nhưng không sao ngủ được.
Tôi vùng lên, chạy lao ra phía bên sông. Cầu đã di
chuyển hết. Không còn ai cả. Nỗi cô đơn, hiu quạnh
bao trùm lấy tôi. Chỉ còn lại dòng sông phẳng lặng
như tờ.

Đờ Sơn 11-1977
Minh Giang, 3-1982

BÊN CẦU CHIA LY

Thế là đại đội tôi lại được trở về bảo đảm giao thông trên đoạn đường quen thuộc ở bến sông Chia Ly này. Đối với tôi, đây là niềm vui nhưng cũng là mối lo. Vui vì được trở lại cái nơi tôi đã cố gắng hết sức mình để xây dựng nên chiếc cầu này, nó là công trình kỹ thuật đầu tay của tôi, người thiết kế cầu. Còn gì bằng được trở lại, ngắm cái công trình do chính bàn tay mình vẽ ra và trực tiếp xây dựng nó. Nhưng cũng lo. Liệu nó còn được nguyên vẹn như xưa, hoặc đã bị bom đạn giặc làm hư hỏng? Tôi có sửa chữa và giữ gìn cho nó được mãi mãi không? Mỗi khi nghe tin máy bay giặc Mỹ đến bắn phá chiếc cầu này, tôi thấy tác nghẹn cổ họng. Và mỗi khi nghĩ đến việc mình phải tự tay phá nó đi, để làm lại một chiếc cầu khác, tôi lại rùng mình. Bởi lẽ không những nó chỉ là chiếc cầu đầu tay mà còn là chiếc cầu duy nhất của tôi, trước khi vào bộ đội. Và đó cũng là điều may mắn cho tôi, sau khi tốt nghiệp đại học ít lâu, tôi được về công tác ở vùng rừng núi thuộc tỉnh miền Trung, nơi ít người muốn đến công tác ở cái đất « khỉ ho cò gáy ». Do đấy, loại cán bộ kỹ thuật trai trẻ như tôi dễ được trọng dụng. Cho nên chỉ vài năm sau, tôi đã có được tác phẩm đầu tay. Nhiều

bạn bè cùng lớp cũng đã ghen tỵ với tôi. Chúng nó, có đũa hàng chục năm trời cũng chưa làm nên trò trống gì.

Từ một chiến sĩ công binh cầm búa, cầm chong, khiêng dầm, vác ván, đào hào, đắp ụ, đánh mìn phá bom, tôi đã được đi nhiều chiến trường và đã trưởng thành. Đại đội của tôi, do tôi làm đại đội trưởng hiện nay, vốn là một đại đội có truyền thống chiến đấu giỏi. Tôi đã không đến nỗi xấu hổ với nó. Truyền thống của đại đội đã rèn luyện và nâng bước tôi trưởng thành, và chính tôi cũng đã góp phần xương máu của mình vào truyền thống đó.

Đại đội chúng tôi đang bảo đảm giao thông ở một đoạn đường phía trong, cách đây hơn 100 kilômét, bỗng được lệnh quay ra bảo đảm giao thông ở đoạn cầu Chia Ly. Khi giao nhiệm vụ, đồng chí Binh trạm trưởng có giải thích. Đây là một trọng điểm bị địch đánh phá nhiều, nên phải đưa một đại đội mạnh ra chốt. Binh trạm cũng biết tôi là « tác giả » của chiếc cầu này, đã quen thuộc địa hình, thung thỏ và nắm chắc kỹ thuật, nên đưa tôi ra đây, Binh trạm hy vọng sẽ bảo đảm được thông suốt liên tục. Cuối cùng, đồng chí Binh trạm trưởng bắt tay thân mật và dặn dò tôi thêm :

— Phải có những hành động chiến đấu và xử lý kỹ thuật thật vững chắc và táo bạo mới có thể đánh thắng được bọn giặc Mỹ. Minh tin ở cậu.

— Vâng, xin thủ trưởng cứ yên tâm. Nó là « đứa con đầu lòng » của tôi đấy. Tôi xin kiên quyết bảo vệ nó đến cùng !

Tôi hứa với Binh trạm trưởng một cách quả quyết

Không hiểu từ bao giờ ai đã đặt ra cái tên suối Chia Ly! Ai đến đây cũng có một cảm giác buồn buồn, như có sự tan vỡ, biệt ly nào đó. Cái tên hay hay cũng đã hấp dẫn tôi trong những ngày đầu khảo sát, thiết kế và xây dựng cầu Chia Ly.

Đó là những năm hòa bình cuối cùng, trước khi bọn giặc Mỹ gây chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc nước ta. Chúng tôi về đây khảo sát tuyến đường mới đi qua một con suối khá sâu và nước xanh đen để sợ phía thượng lưu chảy len vào giữa những khe núi đá vách đứng rất cao, phía hạ lưu trải rộng ra như một con sông nhỏ, nằm hai bên là những sườn đồi thấp và thoải, bỗng nhiên giữa sông nổi lên một hòn núi đá, chia đôi dòng thành hai ngã – một Bắc, một Nam – rồi nhập vào những lưu vực sông đồng bằng, không bao giờ gặp nhau.

Đó là con suối mà tìm trên nhiều bản đồ không thấy chỉ khi đến đây nghe bà con ở những làng bản xung quanh gọi nó bằng cái tên như thế. Một cụ già kể lại với tôi rằng: Ngày xưa có một đôi trai gái yêu nhau, nhưng không lấy được nhau, vì cô gái con nhà hào trưởng giàu có mà chàng trai là kẻ nô lệ nghèo khổ. Họ liền trốn lên rừng ăn ở với nhau, nhưng bị hào trưởng cho người đi lùng sục, tìm bắt. Họ phải đóng một cái nạng để nhờ dòng nước đưa họ trốn đi xuống vùng xuôi. Không ngờ họ gặp phải một cơn mưa lũ chảy xiết, con nạng đâm vào một hòn đá bị vỡ đôi, mỗi người mỗi ngã, rồi lao xuống ghềnh thác bị dòng nước cuốn đi. Từ đây suối được gọi là suối Chia Ly. Ở đây, ghềnh thác luôn luôn khóc thương họ, âm ỉ suốt ngày đêm, cũng như nước mắt dân làng thương xót họ chảy về hai dòng suối không bao giờ gặp. Quả

thật, mùa mưa cũng như mùa khô, suối ở đây không bao giờ hết nước, cho nên trước đây chúng tôi đã không tính toán làm ngầm đi trong mùa cạn, như nhiều đoạn suối khác ở vùng này, mà vẫn phải bắc cầu.

Lại cũng có những người dân khác nói về cái tên kỳ lạ đó là, do suối ở đây nước rất độc, chảy qua một rừng lim bạt ngàn từ trên nguồn xuống, nên nước xanh đen rợn người, mùa khô lội xuống có thể rụng lông chân, đi rừng trời nóng đang khát nước mà uống vào dễ bị đau bụng mà chết. Họ còn kể nhiều chuyện ma thiêng nước độc, về con suối Chia Ly này. Chung quy là: người từ xa đi tới con suối kỳ lạ này, nếu không cúng ma thì không bị nước độc chết, cũng bị thác nước cuốn đi, hoặc đá lở xuống đầu mà chết. Vì thế, ở ngay hốc đá trên bờ suối người ta đặt mấy bát hương để cúng ma. Ai qua đây cũng thắp hương khấn vái rồi mới lên rừng hoặc lội qua suối. Bọn thầy mo, thầy cúng cũng theo dật, bịa đặt thêm những chuyện ly kỳ, ma mãnh để kiếm ăn ở quanh vùng này.

Đạo đó, công ty cầu đường chúng tôi đã phải giải quyết nhiều vụ rắc rối trong cuộc vận động nhân dân phá bỏ những «miếu ma cô», «đền ông mãnh»... để mở tuyến đường, làm mặt bằng và xây dựng chiếc cầu.

Tôi nhớ lại những ngày khảo sát và thiết kế cầu. Lần đầu tiên tôi được chủ trì thiết kế cầu sau khi tôi báo cáo tài liệu khảo sát và sơ đồ mặt bằng. Cũng có nhiều phương án được đề ra, như phương án làm cầu vòm, phương án làm cầu xây đá, rồi kiểu dầm mút thừa... Đó là ý kiến của mấy kỹ sư trên tỉnh, trên bộ. Nhưng rồi cuối cùng cũng chẳng ai quả quyết, vì họ sợ nếu giữ ý kiến đó, họ phải trực tiếp đi thiết kế hoặc thi công chiếc cầu theo phương án của họ. Mà ở cái đất

« ma thiêng nước độc » này, phải đi công tác một vài ngày họ đã không muốn rồi, huống chi là phải ở lại hàng năm để xây dựng nó. Cuối cùng chỉ còn phương án của tôi tồn tại: Phương án cầu dầm đơn giản, mà tôi cho là phù hợp với sức vóc của mình. Tôi cũng phải tính toán nhiều để lựa chọn một phương án kỹ thuật tối ưu. Nói cho cùng, tôi cũng thích, mà địa hình, địa chất ở đây cũng cho phép làm cầu vòm rất phù hợp. Cầu vòm là loại cầu đẹp, hơn nữa là một kiểu cách mới trong ngành cầu đường bộ của ta. Nhưng tôi thấy quá nhiều khó khăn, việc tính toán khá phức tạp, riêng tôi tính một mình không xuể, mà tôi lại không muốn nhờ vả người khác trong lúc này. Đã vậy, ở giai đoạn thi công chúng tôi lại chưa làm bao giờ, chưa hề có một chút kinh nghiệm nào về cầu vòm cả. Nếu được, nó là công lao của tập thể, mà nhờ không xong thì mình tôi phải ngồi tù. Những bậc « đàn anh » đi trước đã thường khuyên tôi như vậy.

Thế là phương án của tôi được duyệt. Thực ra cũng chẳng còn phương án nào khác. Ở đây mới có một mình tôi là kỹ sư, còn toàn là anh chị em trung cấp cả. Tôi và một vài đồng chí nữa trong tổ thiết kế chỉ việc sao chép một kiểu cầu định hình của Bộ Giao thông, thêm bớt ít nhiều về trang trí cho nó mang tính chất độc đáo của riêng mình mà thôi. Tôi cũng tự an ủi rằng: bắt chước người ta mà làm được cũng đã là giỏi rồi, tôi sẽ dành sự sáng tạo của mình vào những công trình sau.

Khi tính toán phân hạ bộ, tức là phần trụ đỡ cầu, một số anh em trung cấp kỹ thuật đề nghị giảm bớt khối lượng cho tiết kiệm, nhưng tôi quyết định cứ cho hệ số an toàn thật cao mới yên tâm!

Và dĩ nhiên hệ số $K=2$ của tôi được sử dụng trong mọi tính toán, có chỗ quan trọng tôi còn cho $K=3$ nữa. Tôi nhủ thầm: «Chắc, các thầy ở cấp trên có ai xuống đây đâu mà biết địa hình, địa chất cụ thể ra sao? Minh tính sao thì duyệt vậy thôi, có ai kiểm tra cụ thể mà lo».

Đúng như tôi nghĩ, khi đưa thiết kế lên trên duyệt, cũng có một vài ý kiến thốt lên bảo tôi:

— Chết chưa, cậu tính toán thế nào mà lại đất gấp đôi tiêu chuẩn Nhà nước thế này?

Tôi lại dùng bài: gỡ bản đồ địa hình, địa chất ra, báo cáo một vài số liệu, một vài yếu tố «quan trọng» và «đặc biệt» ở đây ra... Rồi cũng trót lọt.

Rồi đến giai đoạn thi công, tôi lại được bổ sung vào ban chỉ huy đội cầu, với cương vị đội phó kỹ thuật lại tạo điều kiện cho tôi thực hiện được phương án thiết kế của mình. Khởi phải nói, đây là những ngày tháng sôi nổi của đời tôi. Ngày đêm tôi lao vào công việc, say sưa và bền bỉ. Hầu như lúc nào tôi cũng có mặt trên khắp công trường: xưởng cốt thép, xưởng ván khuôn, công trường khai thác đá... Tôi luôn có mặt kiểm tra sâu sát từng công việc cụ thể. Tôi không muốn công trình đầu tiên của tôi lại có những sai lầm, những hư hỏng lớn trong quá trình thi công.

Bằng sự nỗ lực của mình, điều mong mỏi của tôi đã được thực hiện. Sau gần hai năm lao động gian khổ, chiếc cầu bê tông cốt thép của chúng tôi đã hoàn thành. Nó chỉ dưới 100 mét, là loại cầu cỡ nhỏ. Nó cũng chưa đẹp lắm, bước đầu thi công còn nhiều bở ngỡ mà! Nhưng dấu sao nó là cái cầu đầu tiên trong đời do tôi chủ trì. Một tương lai sáng sủa đang chờ trước mắt tôi,

từ nhịp cầu này tôi sẽ bước lên những bước vững chắc. Tôi vui mừng thực sự.

Trong buổi khánh thành cầu, chính tay tôi đã đốt một dây pháo dài vắt qua gần suốt thành cầu.

* * *

Sau chiến công cầu Chia Ly đó, tôi được khen thưởng được kết nạp vào Đảng và được nâng bậc lương. Rồi hạnh phúc cũng đã đến với tôi.

Đạo đó, vào giữa mùa thi công cầu, đội chúng tôi được bổ sung thêm một số cán bộ trung cấp kỹ thuật mới ra trường. Trong số đó có một cô gái có một cái tên rất con trai làm tôi phải để ý! Hoàng Anh Thục. Thục là cô gái đẹp nhất trong đám mới bổ sung về, nói đúng hơn, là hoa khôi của công trường chúng tôi lúc bấy giờ. Gái Hà Nội, vừa rời ghế nhà trường và lần đầu tiên phải tiếp xúc với một vùng rừng núi âm u hiu quạnh như thế này. Lúc nào Thục cũng như muốn khóc. Một hôm tôi đã bắt gặp cô ta ngồi bên bờ suối khóc một mình, khóc thành tiếng như trẻ con, đến nơi tôi đi vòng lại phía sau cô ta mà cô ta không biết. Không hiểu tại sao lúc đó tôi cũng khẽ khàng ngồi xuống cách đó vài mét, ngắm nhìn cô ta khóc. Một cái khóc rất hồn nhiên, và... rất đẹp. Tôi thầm nghĩ như vậy, và cứ ngồi nhìn cô ta khóc. Mãi đến khi, chừng đã nguôi, không khóc thành tiếng nữa, chỉ còn lại con mắt đỏ hoe và đôi hàng mi ướt, nước mắt vẫn còn chảy dòng xuống má, tôi mới khẽ đánh động làm cô ta giật thót mình quay lại, rồi há hốc mồm nhìn tôi đã ngồi ở đây từ lúc nào. Cái tâm trạng của một cô gái bị bắt quả tang làm một việc

không đẹp, khiến Thục ngưng ngưng, mặt đỏ như gấc, cô cúi xuống với thái độ « thì cũng đành liêu » vậy.

— Sao không khóc nữa đi, Thục? Khóc đi cho đỡ nhớ nhà!—Tôi nói nhỏ, vẻ dỗ dành của một người anh.

Như được người thông cảm và an ủi mình, Thục liền giải bày một cách thật thà, rất ngây thơ :

— Em nhớ nhà, nhớ mẹ em quá... anh Hải ơi!

— Không, em còn nhớ Hà Nội nữa. Nhớ ánh đèn nê-ông, nhớ đường phố, nhớ công viên...!

Thục nghe tôi nói, không hề từ chối.

Từ đó, tôi tự xác định trách nhiệm săn sóc Thục nhiều hơn. Trong công tác, cô ta cũng tỏ ra là một cô gái thông minh, tiếp thu nhanh và có năng lực hơn các bạn.

Phải thừa nhận rằng trong giai đoạn thi công cuối cùng đây khó khăn phức tạp ở công trường. Thục là người tăng thêm sức mạnh cho tôi, không những vì Thục đã gánh vác cho tôi một phần công việc, mà cái chính có Thục bên cạnh, tôi cảm thấy lúc nào cũng phơi phơi, yêu đời. Một nhạc, vất vả là vậy, nhưng mỗi lúc cầm đến cây đàn ghita cùng các bạn, trong đó có Thục, hát vang những bài yêu thích, thì mọi mệt nhọc như tiêu tan hết. Đối với Thục cũng vậy. Hầu như có lúc tôi nhận thấy, sở dĩ Thục chịu đựng được cuộc sống ở đây, hòa mình vào lao động với mọi người sôi nổi, hăng hái, có lẽ vì có tôi. Câu ngạn ngữ: « Tình yêu là sức mạnh » quả là không sai trong hoàn cảnh này.

Tuy nhiên trong chúng tôi không phải là không có những bất đồng. Ấy là về mặt công tác, về kỹ thuật. Đôi khi Thục cũng góp ý kiến với tôi, ví như: « việc gì phải kiểm tra cốt thép kỹ như vậy, có mất thời gian

không? ». « Làm gì phải bắt cán bộ kỹ thuật ngồi phơi nắng suốt ngày để kiểm tra sàng cát? » v.v...

Đôi khi tôi cũng bắt bẻ Thục, đại loại như: « Ra hiện trường mà em mặc chầu chuốt và kiêu cách quá, e anh chị em khó gần ». « Ở công trường không nên dùng nước hoa », « không nên bảo mẹ gửi quà bánh từ Hà Nội vào luôn. Tốn kém và phiền phức » v.v... Nhưng tôi lại bị Thục hỏi vặn luôn: « Thế anh không muốn cho em ăn mặc đẹp đẽ, sạch sẽ à? ». « Em không muốn để các anh xấu hổ vì em! » Hoặc là: « Miễn là em không để ảnh hưởng tới công tác là được chứ gì? ».

Quả thật như vậy, Thục ít mặc quần áo lao động. Ra hiện trường vẫn mặc diện thật, nhưng sẵn sàng xắn quần xa tanh, lội vào đám bê tông để kiểm tra đầm đồ, hoặc sẵn sàng ghé vai đỡ đòn khiêng làm bàn áo pin trắng là cứng của mình. Những lúc ấy thế nào Thục cũng được tôi khen một câu: « Dừng cảm ghê! ». Dù sao tôi vẫn cứ cảm thấy kiêu điệu bộ tiêu tư sản thế nào ấy. Song, mỗi lần bàn với Thục về chuyện này, tôi đều phải nhượng bộ và im lặng. Tôi nghĩ rằng: Rồi đây, năm tháng ở công trường sẽ làm thay đổi tinh thần ấy, con người sẽ được cải tạo theo thời gian. Cái chính là Thục không để ảnh hưởng tới nhiệm vụ, công tác là được rồi. Ở cái lứa tuổi đó, giận hờn trong tình yêu chỉ là cái vụn vặt, và cũng thường dễ tha thứ cho nhau.

Và, cùng với niềm vui kết thúc công trường, hạnh phúc đã đến với chúng tôi. Đám cưới của chúng tôi được đơn vị tổ chức ngay tại công trường, vui vẻ và lịch sự tưởng chừng không kém gì ở Hà Nội. Anh em bạn bè và gia đình đã chuẩn bị đầy đủ mọi thứ đưa từ Hà Nội vào. Cũng đủ hoa layon trắng, nhạc Jaz, com-plê, áo dài, điện màu sắc sỡ lập lòe, bánh kẹo, chè

thuộc, toàn loại hảo hạng. Bà con dân bản cũng đến chúc mừng chúng tôi với những sản phẩm địa phương và những bài dân ca miền ngược.

Có thể nói, đó là những ngày vui sướng nhất đời tôi. Hạnh phúc được trọn vẹn ở công trường Chia Ly này.

Sau khi kết thúc công trường, chúng tôi lại chuẩn bị tiếp những công trường mới.

Nhưng rồi chiến tranh nổ ra, tôi phải lên đường nhập ngũ, sau đó ít lâu.

* * *

Hôm đầu tiên quay trở lại bến sông này, tôi phải lặng người, khi nhìn thấy chiếc cầu bị lỗ chỗ vết bom đạn, một nhịp cầu bị sập, gục xuống sông, một nhịp cầu khác bị vỡ hẳn một mảng lớn, những cốt sắt lòi ra như những bộ xương người. Ở chỗ nhịp cầu gãy, nước dềnh lên, tung bọt trắng xóa, chảy róc róc như những tiếng khóc thương cho nhịp cầu.

Ai đã từng có một đứa con duy nhất đang bị què quặt, ốm yếu, nằm trên giường bệnh, mới thấu hiểu tâm trạng tôi lúc này đối với cây cầu. Những kỷ niệm xưa trôi dạt trong tôi, biết bao nhiêu mồ hôi công sức của tôi, của đồng đội tôi, mới có được chiếc cầu này. Vậy mà giờ đây nó đã bị thương. Bọn giặc Mỹ đã man đã trút xuống đây hàng trăm tấn bom đạn để phá hoại cây cầu vô tội ư? Tôi phải làm gì đây!

Tôi sẽ phải khôi phục lại nó, trả cho nó cái chức năng vận tải của một chiếc cầu. Phải trả lại cho nó cả

những hình dáng hài hòa từ ban đầu, và để cho nó đi vào nhiệm vụ lịch sử của nó, mãi mãi là dấu ấn, một công trình của tôi. Anh em, bạn bè, đồng chí và bản thân tôi nữa, sau này, có thể là mười năm, hai mươi năm vẫn có thể qua lại đây, đứng nhìn nó và tự hào. Đây, công trình của tôi đây, tuy nó không to, không lớn, không đẹp lắm đâu, nhưng tôi đã làm ra nó đây, trong những điều kiện khó khăn, gian khổ và thiếu thốn như thế nào, các bạn có biết không? Và rồi chiến tranh đã hủy diệt nó, nhưng không, nó vẫn đứng vững đây! Phải, tôi sẽ dùng mọi biện pháp kỹ thuật, và bằng mọi giá, khôi phục lại nó, bằng cách chắp vá, hàn lại những vết thương, và bằng những biện pháp mỹ thuật trang trí, tôi sẽ tô vẽ cho nó, chắc hẳn đã mấy người có thể nhìn thấy được những thương tích của nó? Họ sẽ lại càng phải khâm phục tôi, nếu được nghe kể lại những biện pháp để sửa chữa cây cầu lịch sử này.

Tôi suy nghĩ như vậy, và hầu như suốt mấy ngày đêm liền tôi lặn lội xung quanh chiếc cầu, đo, vẽ, tính toán... Có khi đang đêm tỉnh giấc, tôi lại dậy, khoác áo rét, cầm đèn pin, chống gậy mò ra chiếc cầu để đo lại một chỗ nào đó mà tôi đang suy nghĩ, tính toán chưa rõ ràng.

Ngày ngày hôm sau, những biện pháp đơn giản để bảo đảm giao thông qua cầu đã được thực hiện gấp rút. Trước hết chúng tôi phải dùng sắt gỗ để bắc thành những nhịp cầu tạm đè lên nhịp cầu gãy, và những đoạn hư hỏng, lát ván cho xe qua cầu. Sau đó tôi cho hàn những thanh sắt cứng vào những chỗ vỡ, sút mẻ, khi có điều kiện sẽ cho đổ bê tông vá lại. Riêng nhịp cầu gãy, tôi sẽ cho kích lên rồi hàn sắt tăng cường...

Có thể nói, các thủ trưởng binh trạm đã không nhầm khi điều đại đội tôi về đây. Chỉ hai ngày sau cầu Chia Ly đã lại thông xe. Binh trạm trưởng điện xuống biểu dương đại đội và khen ngợi tôi. Tôi cố gắng thêm phần chần dề lao vào tính toán và cho sửa chữa cầu cũ theo bước thứ hai. Nhưng tôi bỗng giật mình khi đồng chí khí tài đại đội, cũng là một cán bộ trung cấp kỹ thuật, sau khi tổng hợp lại những bản thiết kế sửa chữa của tôi để dự toán vật tư xin trên cung cấp, thấy số liệu sắt quá lớn, cậu ta nhìn tôi:

– Báo cáo đại đội trưởng, số lượng sắt ta định xin để sửa chữa khéo cao hơn số lượng sắt làm ban đầu của nó rồi... Thà làm lại một cái mới có khi lại còn dễ dàng và nhanh chóng hơn. Bởi vì phần nền móng hư hỏng phải sửa chữa không đáng kể, chỉ cần làm lại mặt cầu thôi!

Tôi nhìn lại bản thống kê. Ừ, đúng rồi, số lượng sắt cao quá! Tôi rà lại toàn bộ tính toán của mình xem sao. Cũng không thể bỏ bớt cái nào được cả, tôi không dám hạ thấp sức chịu tải của cây cầu, lại còn hệ số an toàn nữa, dầu sao tôi vẫn cứ phải sử dụng cái hệ số $K = 2$ truyền thống của tôi.

Ý kiến cậu khí tài cũng có lý. Nhưng nếu thế còn gì là chiếc cầu cũ của tôi nữa! Tôi liền gạt ý kiến cậu ta đi, với lý do: theo ý định của cấp trên, cần phải khôi phục lại cầu cũ chứ không phải làm mới. Vả lại, chúng ta còn phải vừa bảo đảm giao thông, vừa sửa chữa, làm sao có thể bỏ thời gian để làm lại mới được, với trình độ hiện nay của ta, nhanh cũng phải mất vài tháng chứ có ít đâu.

Địch vẫn tiếp tục đánh phá mạnh. Với sự đánh trả tích cực nhất của chúng tôi, bọn chúng phải bốc lên

cao, bom rơi ít bị trúng cầu, giao thông của chúng tôi vẫn thông suốt.

Ở đây chúng tôi có những ưu thế địa hình thuận lợi cho việc đánh trả máy bay địch, bảo vệ cầu. Đó là những đồi cao lợi hại ở xung quanh khu vực bến sông. Cấp trên còn tăng cường cho chúng tôi thêm một phân đội cao xạ. Chúng tôi đã bảo vệ an toàn được cây cầu suốt mấy tháng liền. Cấp trên cũng đã cho chúng tôi một bộ cầu nổi để dự trữ từ dạo mới về, nhưng tôi vẫn cho cất giấu ở tít trên thượng lưu, trong một khu vực kín đáo, chưa phải dùng đến.

Mùa khô sắp đến. Việc chi viện cho chiến trường ngày càng phải khẩn trương để chuẩn bị cho chiến dịch mùa khô sắp tới. Lưu lượng xe ngày càng cao. Nếu như trước đây mỗi đêm chúng tôi chỉ bảo đảm 200 đến 300 xe qua cầu, thì gần đây đã tăng lên con số từ 400 đến 500 xe, và còn có khả năng lên cao nữa. Nhưng chiếc cầu của chúng tôi ngày càng bị yếu thêm. Những dầm, những ván lát thay liên tục mà không bảo đảm chịu nổi số lưu lượng trên. Có nhiều hôm tôi đã phải kéo dài thời gian thông xe đến 6, 7 giờ sáng. Bọn địch không đánh được cầu, chúng xâm đường, nhiều xe bị bắn cháy do bị tắc cầu ùn lại, hoặc chạy ban ngày chưa kịp đến vị trí giấu xe.

Tôi lại phải vật lộn suốt ngày ở ngoài cầu để trực tiếp chỉ dẫn những mối hàn, đặt từng thanh sắt, từng tấm ván. Tôi cũng lao vào khiêng dầm, lát ván với chiến sĩ, có lúc còn phải hàn điện thay cho các chiến sĩ hàn một vài ca. Tôi ra sức chấp vá, chống đỡ để bảo đảm giao thông mà vẫn không rời bỏ ý định kết hợp khôi phục chiến đấu. Do vậy tốc độ có bị chậm hơn. Tôi khắc phục bằng cách động viên cán bộ, chiến sĩ nỗ

lực làm thêm ca kíp, tăng thêm cường độ lao động để bảo đảm thời gian thông cầu hàng ngày.

Đồng chí binh trạm trưởng đã một vài lần phê bình nhẹ chúng tôi về việc chưa bảo đảm tỷ lệ thông xe trong đêm. Binh trạm cũng lại thông báo chi viện cho đại đội tôi mấy nhịp cầu sắt để khi cần có thể phá bỏ cầu cũ, rồi lao cầu sắt qua, nhưng tôi chần chừ chưa muốn nhận. Tôi tin vào khả năng tôi vẫn có thể sửa chữa được cầu cũ theo phương án của mình.

— Miễn là tôi vẫn bảo đảm thông xe là được chứ gì? Tôi lập luận với mọi người như vậy.

Quả thế, ở một vài bến của các đơn vị khác còn bị tắc cầu, chứ chúng tôi đã bị tắc cầu bao giờ đâu. Tôi đã khắc phục cho chạy quá sang ban ngày, xe bị đánh trên đường thuộc trách nhiệm của lái xe, đâu phải tại cầu. Có lúc tôi đã gân cổ cãi nhau với mấy cậu cán bộ kỹ thuật ở binh trạm như vậy!

Rồi tôi lại lao vào sửa chữa, mất ăn, mất ngủ, người tôi gầy sòm đi, da cháy đen kịt lại.

Tuy nhiên, tốc độ thông xe của chúng tôi vẫn chưa tiến bộ được là bao.

* * *

— Chú Hải ơi, dậy ăn cháo đi, dậy ăn cho nóng! Cháo mẹ cháu nấu đấy. Dậy này, ngon lắm cơ! Nào chú Hải, dậy ăn cháo đi...

Tiếng con bé Thắng, con chị chủ nhà gọi mãi làm tôi bừng tỉnh dậy. Một nồi cháo nhỏ đang bốc hơi nghi ngút ở trên mặt bàn và một bát hành sống đã xắt nhỏ

để bên cạnh. Mùi cháo hành thơm thơm, quyến rũ lạ lùng. Tôi ngồi dậy, kéo cháu bé vào lòng, vỗ nhẹ lên vai nó :

— Cảm ơn cháu nhé, để rồi chú ăn. Mẹ cháu đi đâu ?

— Mẹ cháu ra trường rồi !

— Sao cháu chưa đi học ?

— Mẹ cháu dặn ở nhà gọi chú dậy ăn cháo xong, cháu mới đi.

— Thôi, cháu đi học đi, để đấy chú ăn xong chú dọn.

— Không, chú ăn ngay đi cơ ! Mẹ cháu bảo, cháo hành phải ăn nóng mới ra mồ hôi. Chú bị sốt đấy, chú ăn đi, cháu dọn xong cháu mới đi học. Còn kịp chán mà !

Tôi phải chiều lòng con bé. Đợi tôi ăn, rồi cất dọn xong con bé mới chịu đi học. Nhìn cái bím tóc như đuôi chuột lúc lắc đằng sau, con bé cắp cặp vừa chạy vừa nhảy một loáng đã khuất sau ngõ, xuống ven đồi về phía trường cấp 1—2 của xã, bắt giác lòng tôi lại thấy bùi ngùi. Từ khi về đây, bộ phận tiền trạm đã bố trí cho ban chỉ huy đại đội chúng tôi ở đây, mé sườn đồi, có thể nhìn thấy cầu rất rõ ràng ngày cũng như đêm. Tôi và một đồng chí liên lạc ở nhờ nhà cô Thuận. Đồng chí chính trị viên và các đồng chí khác ở mấy nhà phía đằng sau.

Cô Thuận là người ở dưới xuôi, sau khi tốt nghiệp trường 10+3, cô xung phong lên dạy học ở miền núi. Thuận có nước da của con gái vùng biển, màu nâu khỏe mạnh. Cái Thăng—con gái Thuận—lên mười, vậy mà chưa ai đoán năm nay Thuận đã ba mốt tuổi. Ấy là Thuận đã phải để tang chồng bảy năm rồi. Nếu có hạnh phúc trọn vẹn, chắc hẳn cô còn trẻ hơn nhiều.

Anh Chiến—chồng Thuận—trước đây cũng là giáo viên. Anh cưới vợ trước ngày lên đường nhập ngũ chưa đầy một tuần lễ. Anh vào chiến trường chiến đấu. Sau ba năm, người ta đưa về cho gia đình Thuận một bằng vàng Tổ quốc ghi công. Anh để lại cho Thuận một mẹ già ngoài sáu mươi tuổi và đứa con gái chưa biết mặt cha. Từ đó Thuận âm thầm vừa dạy học vừa nuôi mẹ chồng, nuôi con và ở hẳn trên vùng đất miền núi này. Cách đây hai năm, mẹ chồng qua đời. Gia đình Thuận cũng chỉ còn vài anh chị em đi công tác mỗi người mỗi phương, năm thì mười họa mới gặp nhau ở dưới quê. Chính quyền và bà con địa phương thương xót mẹ con Thuận và quý tính tình dịu dàng, nét na của cô giáo rất nhiệt tình và có tài giáo dục con trẻ, nên đã đùm bọc, giúp đỡ mẹ con Thuận. Ngôi nhà gỗ ba gian cao ráo sạch sẽ này là mối tình của dân bản đối với người liệt sĩ đã khuất và cũng là đối với cô giáo hết lòng vì con em dân bản.

Từ khi đại đội chúng tôi trở lại bến sông này, làng bản càng thêm nhộn nhịp hẳn lên, với những tiếng hò, tiếng hát, những đêm bắc cầu làm đường, những ngày gặt lúa bên trận địa bản máy bay, bằng những câu chuyện bên bếp lửa, những nụ cười của con trai con gái. Khi có chúng tôi đến, Nhà Thuận như cũng ấm cúng hơn. Ít ra cũng còn có tiếng đàn — như Thuận nói vui—chứ không chỉ lũ thú hai mẹ con. Ấy là nói vậy thôi, chứ nhà Thuận trước đây có lúc nào vắng tiếng trẻ con ẻ a. Nhất là từ ngày có các chú bộ đội về, nhà cô giáo Thuận lại càng vui. Cái Thăng lúc nào rồi lại bắt chúng tôi dạy hát. Cây đàn ghi ta của chú liền lạc thường cứ được gõ «phập phình» cho bọn trẻ hát, múa suốt buổi tối.

Mấy tháng trời ở đây, tôi vẫn chưa có dịp nào nói chuyện về gia đình với cô chủ nhà. Suốt ngày lẫn lộn ở ngoài cầu, lúc về nhà không nằm vật ra ngủ thì tôi cũng phải bò ra vẽ vẽ, viết viết. Nhiều hôm mệt mỏi quá, tôi ngủ thiếp đi trên giường không kịp cởi giày dép.

Cô giáo Thuận đã cung cấp cho tôi khá nhiều chuyện xung quanh chiếc cầu, nhất là những trận máy bay giặc Mỹ đến đánh phá, cả những chuyện mê tin mà cô đã thu lượm được từ trước tới nay. Cô tỏ ra đặc biệt quan tâm săn sóc tới chúng tôi. Trước khi đi dạy học, thể nào cũng đã có ấm nước chè xanh trên bếp, rồi khi thì đĩa sắn, lúc mấy củ khoai luộc đặt sẵn trên bàn. Đêm khuya ở ngoài cầu về, đã có sẵn một phích nước nóng, giường chiếu của chúng tôi luôn luôn sạch sẽ. Một hôm, chú liên lạc kêu lên với tôi:

– Gớm, cô Thuận toàn sẵn đón hỏi chuyện thủ trưởng

– Hỏi chuyện tứ ấỵ à? Cậu kể gì?

– Thì có sao em kể vậy, chứ có thêm bớt gì đâu? Mà cô giáo xem chừng thương hoàn cảnh thủ trưởng lắm!

– Sao mày lại đem cả lý lịch của thủ trưởng kể cho cô giáo nghe là thế nào, mắt cảnh giác. Tôi nửa đùa nửa thật dọa cậu ta.

Chú liên lạc nhỏ con, chưa đầy mười tám tuổi, nhìn tôi vẻ lo lắng. Tôi cười và khuyên cậu ta lần sau không nên nói như vậy. Cậu ta lại chống chế:

– Cô giáo hỏi thì em mới nói, chứ ai em cũng nói cả đâu!

Từ hôm ấy, lòng tôi bỗng xốn xang khó tả. Một niềm vui, một nỗi buồn thoát ần, thoát hiện trong tôi. Sự hoài nghi với dân bà ngày càng xâm chiếm lòng tôi.

Một buổi tối, tôi ngồi tính toán lại một số bản vẽ, còn cô giáo thì ngồi chấm bài hoặc soạn giáo án gì đó ở bên kia bàn. Suốt cả buổi tối đến ba, bốn tiếng đồng hồ, việc ai người ấy làm, không ai nói với ai. Chỉ có một lúc, đèn hết dầu, cô giáo đứng dậy rót dầu rồi lại ngồi vào bàn. Tôi vội làm việc để kịp mai có số liệu cho người đưa lên bình trạm báo cáo. Đã khuya lắm rồi tôi vẫn chưa làm xong, mà dầu cứ nặng trĩu xuống, mắt díp lại, tôi lờ lững gục xuống bàn lúc nào không biết. Trong lúc mơ mơ màng màng, tôi cảm thấy một bàn tay nhỏ nhắn cứ vuốt nhẹ lên đầu tôi. Tôi bỗng đưa tay lên cầm lấy bàn tay ấm áp ấy, đặt vào trán mình, bàn tay đó vẫn đề yền, tôi lại từ từ gục xuống trên lòng bàn tay ấy, không biết là bao lâu. Tôi sực tỉnh dậy, mồ hôi vã ra trên trán, bàn tay cô giáo cũng bị ướt nhưng vẫn đề nguyên. Tôi ngượng ngập nhìn cô, nói khẽ:

— Chết chữa, xin lỗi, tôi buồn ngủ quá!

Cô giáo nói với giọng rất êm ái:

— Anh cứ ngủ nữa đi, có lẽ anh lại bị sốt rồi đấy!

Tôi khẽ đỡ cánh tay cô giáo ra khỏi tập giấy của tôi, rồi lắc đầu:

— Tôi không thể ngủ được, cầu chưa sửa chữa xong.

Cô giáo ngược mắt nhìn tôi. Tôi bỗng như thấy lại đôi mắt của Thục ngày nào. Tôi rùng mình đứng lên



Cuộc hội đàm ở Pari đang có nhiều chuyển biến tốt, có lợi cho ta; bọn Mỹ có khả năng phải chấp thuận điều kiện ngừng bắn, hoặc ít ra cũng buộc phải thu hẹp địa bàn hoạt động của máy bay, tức là chiến tranh phá hoại có hạn chế.

Các binh trạm, các tuyến đường được lệnh nhanh chóng chuẩn bị khôi phục, sửa chữa và làm mới để nâng cấp tuyến đường, bảo đảm cho lưu lượng xe lớn hơn, trọng tải xe lớn hơn. Trong quá trình sửa chữa hoặc xây dựng, trên toàn tuyến vẫn bảo đảm giao thông với lưu lượng tối đa; các bến phải có đường ngầm hoặc cầu phụ, cầu tạm; các đoạn đường trọng điểm phải có đường vòng, đường tránh. Đồng thời phải đề cao cảnh giác không được lơ là thường trực chiến đấu bắn máy bay và phá gỡ bom đạn, đề phòng bọn địch đánh lại bất ngờ.

Giữa lúc đó, đại đội tôi được tăng cường thêm một kỹ sư về làm đại đội phó. Đó là thiếu úy Tuấn, tốt nghiệp trường Đại học kỹ thuật quân sự ra, đã vào chiến trường và được rèn luyện trong bom đạn gần một năm nay, hiện đang là trợ lý kỹ thuật của binh trạm. Đó là một sĩ quan trẻ tuổi và khỏe mạnh, có nước da nâu của con trai vùng biển. Tuấn không thuộc dạng đẹp trai, nhưng thân hình to khỏe, cân đối, có nụ cười rất tươi và dáng dấp nhanh nhẹn, hoạt bát. Toàn bộ con người cậu ta như toát lên một sức mạnh và có sức quyến rũ lạ thường ngay cả đối với cánh con trai, chứ chưa nói gì bọn con gái.

Tôi hy vọng cậu ta sẽ là một chân đác lực giúp tôi trong việc sửa chữa và khôi phục lại chiếc cầu cũ theo phương án của tôi. Nhưng sau một ngày đêm lặn lội nghiên cứu — phải nói cậu ta cũng có tác phong tỉ mỉ

và xông xáo giống tôi mà tôi rất ưa—cậu ta lập một phương án khác hẳn, đưa tôi xem. Rồi cậu ta nói với tôi bằng giọng nửa đùa nửa thật:

— Thôi, phá nó đi thôi bỏ ạ! Sửa chữa làm gì cho mất công vô ích mà lại chẳng ra trò trống gì. Cứ phá hẳn nó đi, làm lại mặt cầu khác còn nhanh hơn, đẹp hơn, bố ạ!

Tôi bỗng như người bị dội nước lạnh, mắt trừng lên nhìn cậu ta, không nói được câu nào. «A lại thêm một ông tướng ngựa non háu đá này nữa! Cái ý kiến đó, cái tư tưởng đó, ở đây cũng đã có rồi đấy! Nhưng tao đã vui đập nó đi từ mấy tháng nay rồi. Bây giờ mày mới về, lại muốn khêu lại sao? A! Bọn trẻ chúng mày chẳng biết tôn trọng gì công lao của người đi trước cả, lại muốn lập công mới trên xương máu của người khác hay sao? Không ngon ăn đâu! Đạo trước tao đây còn phải sây vầy gần hai năm trời mới làm xong nó đấy, mấy ông nhóc lại chỉ làm vài tháng thôi ư? Đúng là điếc không sợ súng thật!».

May sao lúc đó, đồng chí chính trị viên vừa đến, nên tôi đã kịp dừng lại mà không cho cậu Tuấn một bài học ban đầu.

Đồng chí chính trị viên mời chúng tôi họp chi ủy để bàn phương án sửa chữa cầu. Chi ủy gồm có chính trị viên làm bí thư, tôi và cậu Tuấn mới được trên chỉ định bổ sung. Trong cuộc họp chi ủy, với vẻ kẻ cả, tôi đề cậu Tuấn trình bày phương án của cậu ta trước.

Tuấn trình bày phương án, với lý lẽ phân tích và so sánh về lợi hại các mặt quân sự, kinh tế, mà trước mắt là với nhiệm vụ sắp tới. Phải nói phương án của cậu ta làm tương đối đầy đủ và tỉ mỉ, tôi không ngờ

trong một thời gian rất ngắn cậu ta lại chuẩn bị được như vậy. Cũng không ngờ cái miệng non choẹt ấy lại phân tích những ý nghĩa chiến-thuật, chiến lược trong cứ như cậu ta đã tốt nghiệp trường trung cao quân sự ra vậy!

Tuấn phân tích phương án kỹ càng nhất là về thời gian ngắn, cậu ta hy vọng thuyết phục được tôi, hoặc ít ra cũng tranh thủ được đồng chí chính trị viên, rồi lấy đa số biểu quyết trong chi ủy để buộc tôi phải nhượng bộ. Nhưng rất buồn cho Tuấn, đồng chí chính trị viên của tôi không hiểu một tý gì về kỹ thuật cả. Anh vốn là nhân viên thống kê ở ban cán bộ phòng chính trị của binh trạm, trong đợt vận động cán bộ cơ quan hạ phóng, anh từ cấp trung sĩ được bổ nhiệm xuống làm chính trị viên của đại đội tôi. Anh nhanh chóng hòa mình được với chiến sĩ, bằng những buổi lao động với anh em, bằng những buổi nói chuyện thời sự, lên lớp chính trị. Tuy nhiên, khi bàn bạc đến vấn đề kỹ thuật — mà nghề nghiệp công binh thì có cái gì không phải là kỹ thuật — thì anh giữ được thái độ lãnh đạo, nghĩa là anh nghe ý kiến quân chúng xem họ ngã về bên nào đông hơn thì anh theo họ. Theo anh, đó là bước đi đúng đắn nhất. Còn hỏi riêng chính kiến anh, anh không phát biểu, chỉ cười xuê xoa, một cái cười dễ mến: «Hề hề, đây là việc của các nhà kỹ thuật, tớ thì biết gì mà tham gia. Ờ hề!». Câu nói của anh như muốn nhắc nhở người nghe nhớ đến cái trách nhiệm lãnh đạo của anh, chứ không phải trách nhiệm chỉ huy của cán bộ quân sự.

Và trong cuộc họp chi ủy hôm nay, Tuấn không tranh thủ được ý kiến của đồng chí bí thư. Giữa hai phương án của Tuấn và tôi, đồng chí bí thư dành

phải giữ trung hòa, và đề nghị đưa ra hội nghị cán bộ để thảo luận.

Trong cuộc họp cán bộ, phương án của Tuần tất nhiên sẽ được nhiều ý kiến ủng hộ hơn, điều đó tôi cũng đã lường được trước. Tuy nhiên, đây không phải là cuộc họp chỉ bộ đề biểu quyết, mà chỉ bộ cũng không biểu quyết những vấn đề kỹ thuật cụ thể này. Bởi vậy, cuộc họp cán bộ chỉ có tính chất lấy ý kiến tham khảo, không kết luận gì, giành quyền quyết định cho thủ trưởng quân chính. Do đó trong hội nghị này tôi cũng không trình bày lại phương án cũ của tôi nữa. Tôi chỉ phát biểu ý kiến cuối cùng:

— Rất hoan nghênh các đồng chí đã tham gia thảo luận, nhưng đây cũng mới chỉ là một phương án, chúng ta còn tiếp tục nghiên cứu thêm để đi đến một phương án tối ưu. Trong quá trình nghiên cứu, tôi lưu ý các đồng chí một ý kiến là: việc phá đi làm lại thì không có gì khó khăn lắm, việc cải tạo, sửa chữa nó trở lại thành một chiếc cầu như cũ mới là khó. Đó mới là một công trình kỹ thuật phức tạp. Liệu chúng ta có ngại khó khăn không? Truyền thống của đơn vị chúng ta không bao giờ chùn bước..

Sau hội nghị cũng có nhiều ý kiến bàn tán xì xào ám chỉ tôi. Nào là: «Đại đội này cũng không có truyền thống bảo thủ». Nào là: «Đánh rằng việc chữa cầu là khó hơn làm mới, nhưng cái cầu này có đáng phải tập trung nhân vật lực vào đây để bảo tồn nó không? Nếu tất cả mọi người đều muốn giữ lại những công trình của mình thì, xã hội này làm sao có những công trình tiến bộ được?». Nào là: «Cái gì đã lỗi thời rồi thì phải bỏ nó đi, xây dựng cái mới phù hợp hơn,

tiền bộ hơn. Phải có gan dứt bỏ cái cũ lạc hậu đi mới được ! ».

Riêng cậu Tuấn thì chỉ nói là : « Nếu sửa chữa cầu cũ, không thể kịp thời gian. Nếu có sửa được kịp cũng không thể bảo đảm trọng tải và lưu lượng theo yêu cầu nhiệm vụ chiến dịch mùa khô sắp tới được ».

Cũng có cậu nói một câu làm đau nhói lòng tôi : « Ông ấy cứ muốn giữ mãi cái cầu lạc hậu này cũng như không dứt bỏ nổi cô vợ hư hỏng của ông ta đâu ! »

*
**

Gửi anh Hải.

Tôi tưởng lấy anh sẽ được hạnh phúc, nên tôi đã gắng chịu đựng thời gian ở công trường để được lòng anh, vì anh. Sau đó hy vọng anh và tôi sẽ được trở về Hà Nội hoặc ít ra cũng về gần Hà Nội. Không ngờ anh lại đi bộ đội, bỏ tôi ở lại chốn « khỉ ho cò gáy » với những công việc khổ sai như bị tù đầy ấy.

Tôi sinh ra không phải để đi và làm việc như vậy, nên tôi buộc phải bỏ về Hà Nội. Từ đó đến nay tôi vẫn sống dằng hoàng. Anh không phải lo cho tôi, cũng đừng biên thư cho tôi nữa. Tôi không còn ở chỗ cũ nữa đâu. Tình nghĩa giữa anh và tôi không còn gì để nói. Tôi không xứng đáng là « người yêu lý tưởng », là « đồng chí » của anh được. Anh hãy tìm lại ở một người khác lý tưởng của anh.

Tôi hiện nay sống khá đầy đủ và « rất hạnh phúc » ở Hà Nội. Và chỉ ở Hà Nội mà thôi. Chỉ ăn hận một

điều : Một Ný nữa thì chôn vùi hết tuổi xuân có khi
chết mất xác ở chiến trường lý tưởng của anh.

Đây là lá thư cuối cùng của tôi,

Vĩnh biệt anh

THỤC

Những hình ảnh về trước ngày đi bộ đội lại dấy lại
trong tôi.

Sau ngày hoàn thành công trường, hay nói đúng
hơn là sau ngày cưới nhau ít lâu, chúng tôi được về
phép gần một tháng, về quê tôi ở gần Hà Đông và
quê Thục ở nội thành Hà Nội. Có thể nói là, hai gia
đình nội, ngoại đều rất hài lòng về chúng tôi, con dâu
cũng như con rể. Duy chỉ có mẹ tôi hơi phàn nàn về
tính đồng đánh của nàng dâu một chút thôi, nhưng
không sao, Thục lấy được lòng mẹ tôi rất nhanh.
Những ngày phép ở Hà Đông hay ở Hà Nội có thể nói
chúng tôi đã sống toại nguyện. Đó là những ngày
hạnh phúc nhất đời tôi.

Trong thời gian ở Hà Nội, theo nguyện vọng của
Thục, tôi cũng đã tìm cách chạy thầy chạy thợ, để tạo
điều kiện cho cả tôi và Thục đều được trở về Hà Nội
công tác, Thục không muốn xa Hà Nội. Một cuộc sống
ở núi rừng hay lang thang nay đây mai đó không phù
hợp với một phụ nữ đã có chồng. Rồi đây sẽ có con
cái... Lập luận đó của Thục đã thuyết phục được tôi.
Còn tôi, với một công trình đầu tay của mình, một cái
bằng thực tiễn của mình, tôi có thể về công tác ở một
phòng kỹ thuật nào đó, hoặc giảng dạy ở nhà trường
được rồi chứ, tôi muốn vươn lên bằng con đường học
tập nữa! Muốn vậy, phải ở Hà Nội.

Tôi tìm đến thầy học cũ của tôi, và nguyện vọng của tôi được thầy ủng hộ. Cũng phải nói là trước đây tôi là một trong những sinh viên khá của thầy. Cho đến những ngày cuối của kỳ nghỉ phép, tôi đã nhận được giấy báo gọi về trường làm công tác giảng dạy. Riêng Thục thì chưa được, vì thời gian đi thực tiễn còn quá ít nên chưa dẫu muốn nhận. Chúng tôi bàn nhau sau khi trả phép tôi sẽ về Hà Nội, còn Thục vẫn cứ theo đội cầu một thời gian, chờ tôi sẽ vận động xin cho Thục sau. Tôi tin rằng nếu tôi về trường thì chỉ cần vài tháng sau tôi có thể tìm cách xin cho Thục về Hà Nội, vì Thục sẵn sàng bỏ nghề kỹ thuật, làm nghề gì cũng được, miễn là ở Hà Nội. Tôi cũng đồng ý quan điểm của Thục: «Việc gì cũng là vinh quang» cơ mà!

Nhưng đến ngày tôi trả phép, một tình huống éo le xảy đến. Chiến tranh phá hoại xảy ra ở miền Bắc. Trước tổ quốc lâm nguy, cầm thù bọn giặc Mỹ xâm lược, tuổi trẻ phải lên đường chiến đấu. Đó là nguyện vọng và nghĩa vụ thiêng liêng của thanh niên. Đó cũng là nguyện vọng của tôi. Tôi liền ghi tên xung phong nhập ngũ. Nhưng ngay hôm đó, Thục đã khóc suốt một đêm, không muốn cho tôi đi. Tôi giải thích thế nào Thục cũng không nghe. Anh chị em đồng chí, bạn bè trong đội phải vận động mãi Thục mới tạm yên, để tôi đi. Tôi đã nhờ các đồng chí ở lại trông nom, giúp đỡ Thục.

Buổi lên đường của tôi, Thục chỉ nằm lý ở nhà, không ra tiễn chân. Tôi ra đi mà lòng nặng trĩu.

Rồi những tháng ngày luyện tập trên thao trường tôi cũng nguôi đi. Có thể nói, thời gian đầu không tuần nào tôi không biên thư về động viên an ủi Thục. Ít

ngày sau, Thục biên thư báo cho tôi một tin mừng: «Thục có mang», và dờ dỏ Thục đã xin phép về Hà Nội nghỉ ít ngày. Các anh ở đội cầu cũng báo là Thục cứ nằng nặc đòi về, nên cũng phải chiều cho về ít ngày cho người chuyện tôi ra đi. Tôi được tin mừng nên rất phấn khởi, hy vọng và chờ đợi một đứa con của tôi, cũng như trước đây tôi đã hằng ấp ủ một công trình đầu tay của tôi vậy.

Chính vì thế nên sau này khi được tin Thục đã bỏ đội cầu không vào nữa, mặc dầu đội cầu đã cho người ra gọi mấy lần lúc đầu tôi cũng giận, sau nghĩ lại cũng thấy thương, cũng lo Thục vào đấy, e không chịu đựng nổi, sẽ ảnh hưởng đến đứa con sau này. Một lần nữa tôi lại tha thứ cho Thục, miễn sao Thục giữ được mẹ tròn con vuông. Sau này, — mà ở Hà Nội cũng đã phải chạy sơ tán rồi — liệu Thục có về quê tôi ở Hà Đông không? Tôi biên thư về cho mẹ và em gái tôi phải đi lại chăm sóc Thục.

Rồi cuối năm ấy, đơn vị tôi vào chiến trường. Tôi hăng hái tham gia chiến đấu với một niềm vui của một người sắp được làm cha. Từ đó cũng không nhận được tin tức gì của Thục và gia đình nữa.

Mãi ba năm sau, khi tôi được trở về binh trạm 14, tôi mới lại có dịp biên thư về và nhận được tin tức của gia đình. Lá thư của cô em gái tôi đã làm tôi đau đớn. Sau khi về Hà Nội ít ngày, Thục xin vào làm ở một hợp tác xã thủ công đóng giày dép, rồi lại bỏ, chuyển sang một tổ quay mỳ sợi. Được vài tuần, cô ta chuyển về lò đan len. Nhưng không đủ tiền tiêu, cô ta lại xoay sang đi phe hàng sách ở chợ Giời. Rồi lại đi buôn chung một cửa hàng phụ tùng xe đạp với một tay lái buôn sành sỏi. Cũng thời gian đó, cô ta báo tin cho

gia đình biết là cô ta đã bị sảy thai với lý do là, khi báo động cháy máy bay bị ngã, cô ta phải cấp cứu vào bệnh viện. Bà mẹ để đến thăm cứ tiếc mãi cái thai, một hình hài đứa con trai nạm tháng. Nhưng khi nghe bác sĩ cho biết là cái thai đã bị thuốc cho ra chứ không phải do ngã, thì bà bỏ về thẳng. Đến khi cô ta ở bệnh viện về thì bà chữa và lửng cổ đi:

— Nhà tao không chứa loại người thất đức ấy!

Cô ta đến ở hẳn với tay lái buôn phụ tùng xe đạp. Ít lâu sau, lại thấy đi với một tay lái buôn thuốc tây khác, giàu hơn.

Rồi lá thư của thằng bạn tôi ở Hà Nội cũng xác minh điều đó và khuyên tôi đừng nghĩ đến cô ta nữa.

Nhân một dịp có xe của đơn vị ra, tôi xin phép theo xe đi lấy hàng, về Hà Nội tìm gặp cô ta, hy vọng kéo cô ta ra khỏi đồng bùn lầy như nhớp. Tôi sẽ sẵn sàng tha thứ nếu cô biết trở lại con đường làm ăn chân chính. Tôi tin rằng tôi sẽ cải tạo được cô ta, như thời gian đầu vào công trường tôi đã chẳng cải tạo được cô ta một lần rồi đấy sao? Tôi tìm đến nhà bà mẹ vợ rồi lần tìm mãi, mấy ngày vẫn không gặp được, cô ta lảng tránh tôi. Mãi đến hôm xe phải quay vào, tôi mới đón gặp được cô ta. Nhưng tôi đã lầm, thái độ cô ta khác hẳn, như một người xa lạ. Tôi vẫn kiên trì, nhẹ nhàng thuyết phục nhưng vẫn không chuyển. Cô ta còn nói những điều thất đức:

— Cũng may tôi không đẻ, giá đẻ ra thì con anh cũng chết đói rồi! Thôi đi anh, cái lý tưởng của anh và ngay cả cái lương trung úy của anh bây giờ có đủ nuôi tôi ăn quà sáng không? Thôi, tôi không còn chuyện gì nói với anh nữa, anh đi đi!..

Rồi cô tả vũng vắng bỏ đi, để lại một mình tôi vừa đau vừa giận.

Trở về đơn vị, tôi lại vẫn kiên trì biên thư khuyên nhủ cô ta. Và lá thư cuối cùng cô ta đã biên cho tôi cách đây ít lâu, như vậy đây.

Tôi buồn rầu vì mất mát hạnh phúc quá lớn. Đó là mối tình đầu của tôi. Tôi xấu hổ vì mang tiếng là « bị vợ chê », « bị vợ bỏ ». Tôi cay đắng vì câu: « Cậu ấy tài ba như vậy mà không cãi tạo nổi cô vợ ». Hay tệ hơn là: « Chung quy cũng chỉ tại cậu ta nên nó mới hỏng. Chẳng là trước đây cậu ta chiều nó lắm cơ mà không chịu giáo dục ngay từ đầu ». Và mọi thứ điều, tiếng hay dở, xấu tốt đều có cả...

Nhiều người khuyên tôi bỏ người vợ lãng loạn hư hỏng ấy đi, nhưng tôi cứ chần chừ mãi. Những hình ảnh hạnh phúc ban đầu không dễ gì đã xóa nhòa trong tôi được. Dĩ nhiên tôi cũng không nghĩ rằng, tôi có thể nối lại hạnh phúc với cô ta được, nhưng tôi cứ băn khoăn, bằng cách nào đây kéo cô ta ra khỏi vùng bùn lầy sa đọa ấy. Và tôi cũng nghĩ rằng, sự mất mát cay đắng này sẽ làm cho trái tim tôi chai cứng lại, khó có thể rung động với một mối tình nào khác nữa, và tôi đâm ra hoài nghi phụ nữ. Nhưng tôi vẫn tiếp tục biên thư, chờ đợi và hy vọng.

*
* *

Nghe rục rịch tình hình bọn giặc Mỹ có lẽ sắp buộc phải tuyên bố ngừng bắn ở miền Bắc, tôi tranh thủ thời cơ tập trung lực lượng sửa chữa cầu. Thời buổi này, tranh thủ được ngày nào sớm ngày ấy. Trước đó,

tôi đã bàn với cậu Tuấn, đề tranh thủ cậu ta làm một cách tự giác hơn. Tôi bảo :

— Thôi được, tớ đồng ý phương án của cậu mà trước đây anh em ở đây cũng đã nêu ra rồi. Nhưng bây giờ, trước hết cậu giúp mình chữa thử theo phương án cũ xem sao đã. Nếu khó khăn quá mà không được thì ta lại làm theo phương án mới chứ lo gì? Hơn nữa, phương án mới này cũng còn phải chờ trên binh trạm duyệt nữa. Trong khi chờ đợi, ta cứ theo kế hoạch đó mà làm, có gì sai đâu ?

Cậu Tuấn tất nhiên cũng phải đồng ý với tôi, nhưng cậu ta đề nghị cho chữa thử từng nhịp một đã. Tôi đồng ý với cậu ta. Chúng tôi chọn chữa một nhịp bờ bắc trước, tương đối đơn giản hơn.

Tôi lại lao ra hiện trường, lăn lộn suốt ngày đêm cho quên đi nỗi buồn day dứt và cho nhịp cầu của tôi được mau chóng trở lại nguyên lành, kịp với thời gian theo yêu cầu nhiệm vụ. Anh em trong đơn vị cũng đều háng hái làm việc quên mình. Đồng chí chính trị viên cũng luôn luôn cùng tôi ở hiện trường. Chúng tôi đã phải tung nhịp cầu phao ở bến phụ ra để bảo đảm giao thông, dành riêng cho cầu tháo ra sửa chữa, không ảnh hưởng gì đến việc thông xe trên tuyến.

Mãi một tuần lễ sau, chúng tôi mới sửa được nhịp cầu bờ bắc, nhưng đó vẫn là những bước sửa tạm mà thôi, để bảo đảm có thể thông xe được chắc chắn hơn, chứ chưa thể làm hoàn chỉnh đề đờ và bê tông nguyên khối được. Tức là chúng tôi chỉ dùng những thanh sắt to, hàn chập làm dầm đỡ rồi lát tấm bê tông đã đúc sẵn lên, có thể bảo đảm cho xe đi, nhưng không thể bền vững lâu dài được. Vì tính toán lại thấy chậm quá,

có thể không kịp, nên tôi cũng đồng ý với cậu Tuấn hạ thấp yêu cầu xuống như vậy.

Khi bước vào sửa nhịp cầu thứ hai, phức tạp hơn đã có nhiều tiếng phản nản :

— Cứ cái đà này thì ba tháng nữa chưa chắc đã sửa xong!

— Mà có xong thì cầu hỏng vẫn là cầu hỏng, trông nó có ra hồn gì đâu? Lại còn phải sửa vài ba lần nữa!

Tôi liền đến chỗ mấy cậu vừa nói, quát tướng lên:

— Chưa làm đã bàn dùn, thôi đi làm đi!

Nói xong, tôi bực tức chạy lại giật lấy mỏ hàn trên tay một chiến sĩ, rồi cặm cùi cắt những thanh sắt bị cong queo ở mảng bê tông bị rạn nứt. Vì mãi cắt nên cũng không để ý đến một thanh dầm sắt chữ I đang dè lên mảng bê tông, làm mảng bê tông từ từ gãy xuống. Một tiếng thét giật bản lên:

— Đại đội trưởng, vào ngay!

Một chiến sĩ vội chạy lại và ôm lấy tôi, kéo vào lòng cầu. Nhưng không kịp nữa rồi, mảng bê tông bị gãy sập, rơi xuống sông, kéo theo cả hai chúng tôi cũng rơi xuống. Tôi chỉ còn kịp nhìn thấy những cây sắt cong queo ngồn ngang ở dưới tua lửa như một bàn chông, nước sông réo chảy, một tiếng thét thất thanh ở trên mặt cầu, một sự đổ vỡ ở đâu đây, có ai đó như ôm lấy tôi rồi lại buông ra, rồi như rơi trong khoảng không, một cái gì đó đập vào đầu tôi, tôi ngất đi không còn biết gì nữa...

Tôi tỉnh dậy trong một trạm quân y binh trạm, đầu tôi quấn dây băng, tôi cố ngẩng đầu lên nhìn, nhưng không sao cất đầu lên được, tôi lại ngất đi.

Một lát¹ sau, trong cơn mê mê tỉnh tỉnh, tôi chợt mở mắt và, tôi nhìn thấy một bộ mặt quen thuộc mờ mờ ảo ảo, có đôi mắt như nhìn sâu xoáy vào tôi, một mái tóc mềm mại như lướt vào má tôi, một hơi thở ấm ấm phả nhẹ lên mặt tôi. Rồi những tiếng lao xao quanh tôi, tôi lại thiếp đi.

Mãi mấy ngày sau tôi mới tỉnh hẳn. Tôi chỉ còn thấy đau đầu. Tôi nhồm ngời dậy, sờ chân tay, mình mẩy vẫn còn nguyên vẹn, tôi trút một tiếng thở dài và mừng thầm.

Một cô hộ lý chạy đến săn sóc tôi và kể cho tôi nghe. Thì ra tôi được đưa vào đây cấp cứu đã sáu ngày hôm nay. Phải mất ba ngày tôi mê man bất tỉnh, ba ngày nửa tỉnh nửa mê. Tôi bị thương vào đầu, vết thương làm chấn thương sọ não. Hình như một, hai thanh sắt đập vào đầu làm rách hai, ba miếng da, các bác sĩ đã mổ và khâu vết thương lại. Sau đó, cô ta nhưan ủi tôi :

— Anh cứ yên trí, cũng may mà không bị vết nào ở mặt.

Rồi cô lại kể, ngày nào cũng có người ở đơn vị đến thăm tôi. Tôi bảo cô ta tả người xem là những ai? Cô ta nói nhiều lắm không nhớ hết, nhưng có mấy người hay đến luôn. Theo cô ta tả, thì tôi đoán là đồng chí chính trị viên, Tuấn, đồng chí liên lạc và mấy anh em cơ quan. Lại có cả các cụ già đến bản nữa.

— Có một chị ngày nào cũng đến. Có phải là vợ anh đấy không? Cả cháu gái nữa. Con bé thương bố cứ khóc hoài thôi!

Cô hộ lý nhìn tôi, dò hỏi. Tôi lắc đầu tỏ vẻ không phải và bảo cho cô ta đấy là cô giáo, chủ nhà tôi ở nhờ đấy.

— Ôi, chỉ ấy tốt quá nhỉ? Hôm nào chị ấy cũng lên sân sóc anh, ngồi với anh hàng giờ liền. Chị ấy lo lắng lắm, chỉ sợ anh chết thôi. Bây giờ chị ấy lại sắp đến rồi đấy!—Cô gái cứ liên thoảng nói chuyện làm cho tôi vui.

Mãi đến chiều đồng chí chính trị viên lên, mới kể lại cho tôi nghe được đầu đuôi sự việc tai nạn đã xảy ra đối với tôi.

Khi phát hiện măng bê tông sắp rơi, đồng chí Sơn—chiến sĩ thợ hàn—vội chạy lại định ôm lấy tôi kéo vào trong cầu, nhưng không kịp. Cả tôi và Sơn cùng rơi. Sơn vẫn ôm chặt lấy tôi vì cậu ấy có dây bảo hiểm nên sau khi rơi chỉ bị treo lơ lửng trên không. Cậu ấy cố giữ lấy tôi, nhưng không nổi. Tôi bị tuột khỏi tay Sơn, rơi xuống sông, đập đầu vào một đồng sắt tròn nằm ngang. Cũng may không có thanh sắt nào chọc vào người. Sau đó tôi bị nước cuốn trôi đi. Rất nhiều người lao xuống mới vớt được tôi, một tý nữa thì bị cuốn xuống thác Chia Ly thì không tài nào cứu được. Sau khi vớt lên liền cho xe đưa tôi đi cấp cứu ngay. Cậu Sơn cũng bị choáng, ốm mất mấy ngày, đã khỏi và đã đi làm được rồi.

Tôi hỏi về tình hình công việc, đồng chí chính trị viên nói :

— Anh cứ yên tâm, mọi việc đã có chúng tôi lo. Cậu Tuấn thay anh làm ăn tháo vát lắm!

— Điều đó thì lẽ dĩ nhiên rồi! Tôi đã thích tác phong của cậu ta từ những ngày đầu.

Sau đó chính trị viên kể tiếp cho tôi biết là: sau ngày tôi bị thương, tức là trước lúc tuyên bố ngừng bắn, bọn Mỹ lại đến bắn phá một trận cuối cùng cũng

khá căng thẳng. Nhưng quân ta vẫn giữ được cầu, chỉ bị thêm một quả rốc két vào nhịp cầu bờ bắc mới chữa xong. Sau đó có một đoàn cán bộ kỹ thuật của trên xuống kiểm tra và quyết định cho phá cầu cũ, sửa chữa trụ, mở và làm lại mặt cầu bê tông mới. Toàn bộ xe tạm thời đi bằng cầu phao.

— Thế đã phá xong cầu cũ chưa? — Tôi sốt ruột hỏi.

— Yên trí, đã phá xong rồi! Chỉ sau có một ngày là quân ta đã phá xong hết. Cậu Tuấn đã cho lao các nhịp cầu sắt UIKM để làm cầu thi công đổ ván khuôn đổ bê tông rồi.

— Thế ván khuôn, cốt sắt đã triển khai chưa?

— Triển khai rồi. Kế hoạch của cậu Tuấn đề ra phần đầu toàn bộ trong hai tháng xong bằng phương pháp đổ bê tông tại chỗ. Anh thấy liệu có xong được không? Tôi cũng lo. Có phiếu lưu quá không? — Chính trị viên băn khoăn.

— Kể cũng mạo hiểm đấy, nhưng tôi tin cậu ta. Anh cố gắng động viên đơn vị.

— Việc đó anh khỏi phải lo. Từ hôm được thực hiện phương án làm lại cầu mới đến nay, anh em hăng hái phần khởi lắm. Lại có cả bà con dân bản ra ủng hộ nữa: sàng cát, rửa đá, đào đất... Vui vẻ lắm! Công trường rất nhộn nhịp.

Ngày hôm sau, Tuấn nhờ cô giáo Thuận cầm bản thiết kế mặt cầu mới lên cho tôi xem và đề nghị tôi cho ý kiến. Về bản vẽ mặt cầu này, lần trước nhiều anh em đã phát biểu:

— Mặt cầu cũ đáng cỡ quá. Chúng ta phải xây dựng lại mặt cầu mới có đáng đẹp hơn, phù hợp với thời đại hơn.

Sau khi xem lại xong bản vẽ, tôi nói với Thuận:

—Toàn bộ chiếc cầu cũ đã phá đi rồi thì còn luyến tiếc gì mặt cầu cũ mà không thay?—Nói xong, tôi ký luôn vào một góc bản vẽ dành cho kỹ sư trưởng.

Thuận nhìn tôi lắc đầu:

—Có phải là phá hết cả cầu. Cái gì tốt thì vẫn còn lại, cái gì xấu mới phải phá đi. Đấy, anh em họ vẫn bắc cầu trên trụ gỗ cũ của anh làm trước đây đấy chứ! Có phải phá bỏ toàn bộ cầu?

Tôi bỗng thấy cảm động, bàng hoàng, khẽ nói:

—Liệu trên những cái trụ gỗ cũ đã bị rạn nứt ấy có thể xây dựng lại được một cái cầu mới đẹp và bền vững không?

Thuận khẽ gật đầu, rồi ngừng lên nhìn tôi với đôi mắt trong sáng lạ kỳ. Giọng Thuận bỗng ngập ngừng:

—Sao lại không có thể xây dựng được? Nếu biết hàn gắn lại... Nếu biết yêu thương nhau...!

Chúng tôi nhìn nhau một lúc lâu. Thuận từ từ ngã đầu về phía tôi. Tôi khẽ đưa tay kéo Thuận ngồi gần lại.

Một làn gió nhẹ nhàng lướt qua, mơn man, bao trùm lấy chúng tôi.

TẤM ẢNH NGƯỜI THÂN

Đã có mấy đơn vị cao xạ pháo có chiến sĩ gái làm công tác thông tin không nhỉ? Vậy mà đơn vị tôi có đây! Người ấy là tôi. Đạo ấy đơn vị chúng tôi được lệnh về bến phà C. Một hôm máy bay địch đến bắn phá dữ dội trên bến phà. Giữa lúc đang chiến đấu ác liệt thì đường dây liên lạc với đại đội 2 bên kia sông bị đứt, tôi vợ vội chiếc mũ sắt và tấm ngực trang lao về phía bờ sông.

Kia rồi! Đường dây bị đứt ở ngay giữa sông. Chà, gay quá. Mặc cho máy bay quần đảo, tôi cứ chạy lên chạy xuống mãi mà vẫn không tìm được con dò nào. Tôi đành phải chuẩn bị bơi qua sông. May sao, vừa lúc đó từ một lùm cây, một con dò bông xuất hiện và lao nhanh về phía tôi. Ngồi trên là một cô gái trẻ, đội mũ rơm, áo nhuộm xanh.

— Chị đừng bơi! Chờ đây, em nối dây cho! — Cô gái vừa chèo vôi vờ vừa gọi.

Mừng quá, tôi chạy lại phía con dò. Tới gần mới nom rõ cô gái khoảng mười bảy, mười tám, có lẽ kém tuổi tôi, dáng người nhỏ nhắn, nước da trắng trẻo, rất xinh. Dò vừa tới bờ, cô nói ngay:

— Đưa dây đây em ra sông nổi cho! Em là dân quân thường trực bến đây chị ạ!

Tôi vội lắc đầu :

— Không được đâu, nguy hiểm lắm ! Thôi, cò cho tôi mượn dò thôi!

Cò gái không nghe. Chúng tôi giảng cò nhau mãi. Cuối cùng, tôi ngồi ở mũi thuyền lần theo đầu dây, còn cô cầm chèo. Mảnh bom đạn rơi xuống sông lồm bồm. Có lúc chúng tôi phải cúi đầu xuống để tránh mảnh. Nhờ cô dân quân vững tay chèo nên tôi đã nổi xong đường dây khá nhanh. Hai chúng tôi cùng quay vào bến, nhảy lên bờ. Máy bay địch vẫn gầm rít trên trời. Đi được mấy bước, bất thình lình cô gái đẩy tôi ngã giúi xuống một hố cá nhân rồi cô nằm dè trên thành hố. Một tiếng bom nổ chói tai, làm tôi tối sầm mặt mũi. Chừng hai ba phút sau, tôi mới tỉnh lại, gạt đất đá đứng lên. Cô dân quân trẻ cũng đã giữ đất, ngồi dậy. Đầu tóc rối bời, áo quần lấm láp, cô nhìn tôi cười, nụ cười dễ thương quá ! Tôi chỉ còn biết ôm chầm lấy cô. Rồi sau đó tôi vợ vội lấy dây, máy, gạt đầu chèo cô, lao nhanh lên đò. Vợ quá, tôi đã quên cả cảm ơn cô.

*
*
*

Mãi chiều hôm sau tôi mới có dịp vào xóm hỏi thăm và tìm đến nhà Diễm—cò gá dân quân ấy. Tôi gặp Diễm ở ngay đầu ngõ. Diễm dang đắp lại một căn hầm chữ A. Tôi giảng lấy xống giúp Diễm đắp lên nắp hầm. Chúng tôi vừa làm vừa chuyện trò, thăm hỏi nhau thân mật như những bạn thân xa nhau lâu ngày mới gặp lại.

Khi căn hầm đã sửa xong, Diễm mời tôi vào nhà. Cô xuống bếp đun nước, tôi ngồi ngắm quang cảnh và trang trí trong nhà. Mắt tôi lướt qua bảng gia đình vẽ vang, các hằng khen, giấy khen, rồi dừng lại ở một khung ảnh treo trên tường. Tôi bỗng sửng sốt : Trong khung kính có cả tấm ảnh của một người rất... thân quen của tôi.

— Ô ! Anh Sơn ! Sao ở đây cũng có ảnh anh nhỉ ? — Tôi đứng dậy, nhìn chokỹ hơn.

Đúng rồi ! Tấm ảnh của anh chụp lúc mới vào bộ đội. Anh đã gửi cho tôi một cái đúng như thế này. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên hơn là còn có một tấm ảnh ở bên cạnh to hơn. Anh chụp chung với Diễm. Vâng ! Chính Diễm. Hai người đang ngồi bên cạnh nhau. Anh Sơn đang cười. Diễm ngồi gần sát bên anh, miệng đang mỉm cười...

Tôi phân vân. Tại sao nhà này lại có ảnh anh Sơn ? Và sao lại có cả ảnh chụp chung thế này ? Tôi thầm hỏi. Tôi bỗng nhớ lại cách đây mấy tháng, trong một lá thư anh báo tin cho tôi biết là đơn vị anh đi bắc cầu xa. Thì ra đơn vị anh đã đến đây ! Nhưng sao không thấy dấu vết gì nữa cả ? Hay là... Hay là... Ừ nhỉ, tại sao sau đó anh chẳng viết thêm cho tôi lá thư nào nữa ?

Nhìn lại bức ảnh anh chụp chung với Diễm, tự nhiên tôi thấy mặt nóng lên. Tôi phải thầm thừa nhận : cả hai người đều đẹp quá !... Và thoát cái, một ý nghĩ nghi ngờ bỗng mơ hồ nhen lên trong đầu tôi như một chút sương mù. Tôi phải cố xua đuổi...

Diễm đã xách ấm nước lên, rót vào phích. Cô nhanh nhẹn, vui vẻ pha nước mời tôi uống. Tôi vẫn hết liếc

nhìn tấm ảnh lại nhìn Diễm. Bất giác tôi ghé người soi mình vào một tấm gương to. Tôi bỗng muốn khé lên vì thấy mình quả thật kém xinh hơn Diễm nhiều. Tôi không kim được mình nữa, liền chỉ vào tấm ảnh và cố gắng giữ tự nhiên, hỏi Diễm :

– Ai đấy, Diễm ơi!

– A, anh Sơn đấy mà ! Anh Sơn ở đơn vị công binh bắc cầu. Trước anh ấy đóng ngay ở nhà em đấy, chị à !

« Ra thế, đóng ngay ở nhà, thảo nào ! » Tôi hỏi tiếp :

– Thế đơn vị bắc cầu đi đã lâu chưa ?

– Các anh ấy đi vào phía trong đã ba tháng rồi ! Thế ra chị cũng biết anh Sơn à ?

Không hiểu sao tôi bỗng nói dối :

– Ừ, mình cũng biết anh ấy. Chả là trước đây hai đơn vị đóng ở gần nhau...

Một nét nghi ngờ thoáng hiện trên khuôn mặt Diễm, nhưng sau đó cô đã thành thật tin lời tôi. Cô có vẻ cảm động và mừng rỡ :

– Thế ạ ! Vậy ra chị cũng quen anh Sơn ? Anh ấy... tốt lắm cơ chị ạ...

Vừa lúc đó có một cô bạn réo gọi Diễm ở ngoài ngõ. Diễm nói tôi ngồi chơi, rồi vội chạy ra.

Chỉ còn lại một mình tôi. Nỗi nghi ngờ ngày càng tăng lên trong lòng tôi. Tôi lại quan sát toàn bộ căn nhà như tìm kiếm thêm những dấu vết của Sơn. Mắt tôi dừng lại ở hàng quần áo đang phơi ngoài sân. Tôi bỗng như giật bản mình. Tôi nhìn thấy một chiếc khăn thêu bên cạnh một tấm vải dù trắng. Chiếc khăn ấy là

của tôi tặng Sơn trước lúc anh lên đường nhập ngũ. Ôi! Sao chiếc khăn lại ở đây? Sơn đánh rơi? Bỏ quên ư? Sơn đã... tặng lại Diễm ư? Có thể lắm chứ! Họ đã chụp ảnh chung với nhau cơ mà! Sự nghi ngờ của tôi đã gần như được khẳng định. Mắt tôi bỗng nhòa đi..

... Ở quê, nhà tôi cách nhà Sơn có hai ngõ. Sơn hơn tôi một tuổi. Chúng tôi đã thân nhau từ những ngày chăn trâu, kiếm củi. Tôi học dưới Sơn một lớp, cùng với Hà, em gái Sơn. Khi học cấp ba, Sơn luôn luôn là học sinh giỏi của trường: anh thường chỉ bảo cho tôi và Hà những bài toán khó. Những buổi lao động nhà trường hay họp Đoàn, chúng tôi cũng thường gần gũi nhau. Có một tấm ảnh chụp kỷ niệm các học sinh giỏi của trường, tôi cũng tìm cách ngồi sát cạnh Sơn... - như tấm ảnh Diễm chụp chung với Sơn ở đây. Tình yêu của chúng tôi được cả hai gia đình và bạn bè vun đắp. Hai năm trước đây, Sơn tốt nghiệp cấp ba rồi xung phong đi bộ đội. Sau đó một năm, tôi cũng lên đường nhập ngũ theo gương anh. Chúng tôi vẫn luôn biên thư cho nhau, động viên khuyến khích nhau. Lần này đơn vị tôi được chuyển ra vùng ngoài, tôi đang có hy vọng tìm gặp anh. Thế mà bây giờ... Hèn nào mấy tháng nay tôi không nhận được thư của anh nữa!... Ủ, Diễm trẻ hơn tôi, đẹp hơn tôi. Sơn lại ở đây, được gia đình chăm sóc đến thế... Nhưng mà tôi cũng lạ! Nào tôi với Sơn đã chính thức ước hẹn gì đâu! Tại sao tôi có quyền bực dọc?

Nghĩ đến đây tôi bỗng thấy xấu hổ. Và lại tự an ủi: Có lẽ tôi đã nghi ngờ sai. Đây chỉ là một tình cảm quân dân bình thường... Tôi sẽ hỏi cho ra nhẽ và nói thẳng với Diễm về chuyện này. Nhưng không, tôi sẽ không nói gì hết. Tôi sẵn sàng tôn trọng tình cảm của Sơn và Diễm nếu có thực...

Lát sau bà mẹ của Diễm đi đâu trở về. Diễm cũng về. Hai mẹ con đều niềm nở. Tôi phải gắng trò chuyện cho khỏi lộ vẻ miễn cưỡng, và mấy lần đã định cáo từ ra về. Nhưng Diễm và bà mẹ vẫn cứ vồn vã kéo tôi lại, hỏi han tôi hết chuyện này qua chuyện khác.

Và cuối cùng Diễm bỗng nói:

— Chị ạ, bây giờ em mới nói thật. Anh Sơn... không còn nữa! Chị ở đây chơi, em nói lại cho mà nghe...

Như có tiếng sét giáng mạnh xuống đầu tôi, hai mắt tôi tối lại...

Hôm ấy...

Đơn vị công binh được lệnh bắc cầu bảo đảm cho một đoàn xe «chở hàng quân sự đặc biệt» vào mặt trận. Lệnh của trên: bằng bất cứ giá nào đúng 6 giờ tối phải thông cầu để bảo đảm cho xe vượt cả chặng đường từ đây đến trạm 10 X trước khi trời sáng. Nhưng hình như bọn địch đã phát hiện được đoàn xe quan trọng này, nên chiều hôm ấy chúng liên tục đánh phá bến. Chúng âm mưu chặn đứng đoàn xe Các đơn vị phòng không đã bắn rơi tại chỗ hai máy bay, nhưng chúng vẫn ùn ùn kéo đến như đàn thiêu thân, quần đảo liên tục. Chúng đã thả ba vệt bom nổ chậm từ chiều, hàng chục loạt bom phá, bom bi, chông chắt lên nhau, vùi lấp lên nhau thành một bãi bom lộn xộn đất đá, nhà cửa, cây cối nháo nhào, hồng gậy khó khăn nguy hiểm cho ta khi vào bãi bom.

Đơn vị công binh đã dốc hết các tổ phá bom ra bến. Tổ dân quân phá bom do Diễm làm tổ trưởng cũng được phối hợp với tổ của Sơn, phá vệt bom ở bến bờ Nam. Sau khi một mình vào trinh sát sơ bộ vệt bom, Sơn mới chèo cả tổ vào, vừa nhặt dọn bom bi, bom

xuyên, vừa tìm các hút bom. Toàn tổ dân hàng ngang tìm đi tìm lại mãi khắp bãi bom mà chỉ thấy có mười ba quả, vẫn thiếu một quả. Theo phán đoán, nó nằm đúng ngay bên, nhưng bị vùi lấp nên không xác định rõ vị trí.

Lúc này ở phía bờ Bắc dưới sông, các tổ bạn đã tấn công. Chốc chốc lại một quả bom nổ. Có quả ở gần bên, mảnh vụn bắn sang cả bờ Nam như thách thức, kêu gọi bờ Nam nhanh chóng hành động. Trời đã sắp tối, thời gian gấp lắm rồi. Đạo ấy đơn vị công binh này chưa có loại máy phá bom từ trường mà chỉ dùng phương pháp bộc phá. Sơn đưa ra một phương án táo bạo: vừa bộc phá liên tục vừa trinh sát tiếp. Riêng hai quả ở sau nhà ông Đình và trong nhà bà Hoạt thì phải tháo dỡ bảo vệ nhà cửa của nhân dân, đồng thời giữ nền đường và bờ đê. Mọi người đều lo không kịp thời gian quy định, nhất là tổ dân quân đề nghị cứ cho phá tất cả để bảo đảm thời gian thông cầu. Nhưng Sơn nói:

— Nhân dân ta đau khổ nhiều với bọn giặc Mỹ rồi! Chúng ta cố gắng giảm bớt thiệt hại cho dân được bao nhiêu quý bấy nhiêu. Phải coi nhà cửa bà con như chính nhà mình vậy.

Tất cả đều thấy anh nói đúng. Ai cũng xung phong vào tháo bom. Nhưng Sơn chỉ phân công cho mọi người chuẩn bị lượng nổ, còn anh cùng Đắc thay nhau vào đào quả bom sau nhà ông Đình. Quả bom chui sâu quá, lại đâm qua móng tường gạch vào trong nhà, nên phải đào khá sâu. Phía bờ bắc, tiếng bom nổ giòn giã càng làm cho tổ sốt ruột. Rồi bỗng thấy Đắc reo lên:

— Tháo được rồi, hoan hô anh Sơn!

Thì ra Sơn đã mò mẫm tháo được đầu nỏ mới. Anh vội báo cáo về sở chỉ huy. Đội trưởng Lộc cho biết đây là loại đầu nỏ kiểu mới, chúng mới dùng đầu tiên ở đây. Tính năng cụ thể ta chưa nghiên cứu được. Nhưng sơ bộ biết là độ nhạy và chu kỳ cảm ứng từ trường rất phức tạp, lắt léo, nham hiểm. Đó lại là khó khăn mới cho tổ bờ Nam.

Sau đó Sơn lần lượt cử từng người vào phá bom. Người nào cũng được anh chỉ dẫn cách đánh cụ thể.

Những tiếng nổ rền vang báo hiệu trận đánh bom của tổ bờ Nam đang tiến triển. Đến lượt Diễm, Sơn cũng vừa đưa đường vừa nhắc nhở Diễm từng động tác. Diễm vừa mừng vừa lo. Mừng vì mình là con gái, lần này được trực tiếp đánh bom, đặt bộc phá vào « xé tan xác thằng Níchxon ra »—theo kiểu mọi người thường nói—chứ không chỉ có làm nhiệm vụ cảnh giới, gác bãi bom như những lần trước. Để rồi xem cánh con trai trong làng có coi thường bọn con gái nữa không? Nhưng Diễm cũng có cái lo, không phải vì sợ chết, mà chỉ lo làm không đúng động tác kỹ thuật, bom không nổ thì bọn chúng nó lại cười, rồi bêu riếu là nhát gan nên run tay. Vì có Sơn bên cạnh nên Diễm đã lấy lại được bình tĩnh. Đến nỗi khi đốt dây cháy chậm rồi mà cô cứ xem đi xem lại mãi, xem có cháy thật chưa? Sơn phải hô to mấy lần Diễm mới vội vàng chạy. Được vài chục bước, bỗng Diễm ngã khuỵu. Một cái gì đâm nhói vào bàn chân trái cô. Thì ra một mảnh bom to bằng bàn tay, dựng ngược như răng cưa ở bờ ruộng. Buốt quá Diễm không đứng lên được, nghiêng rặng chùi đầu. Máu chảy thấm ướt cả hai bàn tay.

Tình thế lúc này thật nguy hiểm. Diễm nhìn lại chỗ quả bom, khói xanh của dây cháy chậm xì xì phun lên. Hồn vía Diễm đã bay đi đâu hết.

Nhưng Sơn đã quay ngay lại, anh nâng Diễm đứng dậy rồi ghé vai vác Diễm lên, chạy như bay về phía sau. Vừa nhảy được xuống một hố bom gần đấy thì bom nổ.

Trận chiến đấu trên bãi bom vẫn tiếp tục khàn trương. 6 giờ kém 20 phút.

Đã đến giờ bắc cầu. Các vệt bom ở bờ Bắc và dưới sông đã phá xong. Đại đội 3 đã cho canô kéo đoàn thuyền nối nhau như một đoàn tàu hơi lửa tiến về bến. Ở phía bắc, đoàn xe đặc biệt cũng từng chiếc, từng chiếc chạy về bến. Những nòng súng cao xạ đi hộ tống đang tua tủa chia lên trời.

Vậy mà ở bờ Nam, quả bom cuối cùng ở ngay đầu bến vẫn chưa phá được. Tổ của Sơn ai cũng lo lắng. Tổ liên tục thay nhau đào đúng hút bom mà vẫn chưa thấy bom. Vì nó bị một quả bom phá nổ ở gần vùi lấp đi, ẩn nó xuống sâu hơn. Cần phải đào, bới cho nó lộ ra như những quả trước thì mới phá được.

6 giờ kém 15.

Bất chấp cả nguy hiểm, toàn tổ ulla vào thuốn, đào tận lực mà vẫn không thấy. Diễm càng như cuống cả lên.

6 giờ kém 10.

Pháo hiệu xanh – tín hiệu xin vào tìm cầu của đại đội 3 bắn lên. Ánh đèn gầm như sao sa đang tiến vào bến Sơn chạy lại trạm gác. Chộp lấy máy nói, anh báo cáo

– Bờ Nam còn nguy hiểm. Xin cho bộc phá lượng nổ lớn để gây nổ bằng chấn động!

Biện pháp này rất nguy hiểm, nhưng không còn cách nào khác nên sử dụng đồng ý. Sơn cảm tim hút bom rồi cho cả hai lượng thuốc nổ lớn khênh vào.

6 giờ kém 5 phút.

Một tiếng nổ gầm lên. Nhưng quả bom vẫn chưa suy suyền. Mọi người đều toát mồ hôi. Nhiều ý kiến trao đổi xôn xao. Lại tín hiệu xanh ở dưới sông bắn lên. Anh chàng lái ca nô nào đó cho máy nổ ran như thúc giục. Những ánh sao sa từ trên đèo K. đang bay nhanh về bến. Mọi người càng thêm lo lắng. Sơn giải thích cho cả tổ biết là tình trạng của quả bom hiện nay ở vào thế chờ nổ rất nguy hiểm, vì nó đã bị bộc phá gây chấn động. Có thể nó bất thình lình nổ ngay bây giờ, cũng có thể 5—10 giờ sau hoặc lâu hơn nữa. Nếu như có máy phá bom thì ta có thể xử trí được. Nhưng hiện nay máy chưa về đến nơi, mà nhiệm vụ thông cầu thì không thể dừng lại được phút nào cả. Dù thế nào cũng phải phá tiếp quả bom này, dẫu phải hy sinh tính mạng. Nếu không phá ngay thì khi cầu vào bến hoặc lúc đoàn xe qua, bom sẽ cảm ứng từ gây nổ ngay, có thể mất cầu, mất xe. Mọi người đều giơ tay xung phong lên phá. Cả Diễm cũng xin Sơn cho cô được tham gia...

6 giờ kém 2 phút.

Diễm vẫn năn nỉ xin lên đánh tiếp quả bom ngoan cố ấy, nhưng Sơn đã ôm lấy gói bộc phá, nói:

— Nguy hiểm lắm! Phải thật... quen! Phải đặt đúng chỗ mới trị được nó!

Diễm không bằng lòng vì nếu tính lượt thì lần này chính là của cô.

— Không! Phần của cả tổ và cả của cô hết rồi!—Anh nói rồi ôm bộc phá lao lên.

6 giờ kém 1 phút.

Anh hơi cúi người về phía trước. Với một vẻ rất bình tĩnh, anh tiến vào bãi bom. Đến nơi, anh thận trọng bới đất để đặt bộc phá, rồi anh quỳ xuống đốt dây cháy chậm. Khói xanh phun lên bao trùm lấy anh. Anh kiểm tra lần cuối cùng rồi lẹ làng đứng lên quay ra. Vừa lúc đó một tiếng nổ bất thình lình bùng lên hất ngã tất cả mọi người xuống. Diễm tối tăm mặt mũi. Quả bom tai ác ấy đã tự hủy trước khi Sơn kịp chạy ra xa...

Tôi bỗng ôm chầm lấy mẹ Diễm và Diễm, nước mắt trào ra. Ôi! Những ý nghĩ của tôi thật quá tâm thường trước những hành động cao cả của anh. Mẹ Diễm đổ dành lau nước mắt cho tôi rồi chỉ lên tấm ảnh:

— Đây là ảnh của anh Sơn chụp với cái Diễm sau lớp dạy phá bom đấy!

Trong khi đó Diễm ra sân lấy hai cái khăn ở đây phơi mang vào đưa cho tôi và nói:

— Những thứ này anh ấy vẫn gửi mẹ em cất ở hầm kè, để ba lo sợ bom phá rách mất. Anh ấy bảo của vợ anh ấy ở nhà quê. Anh hứa khi nhận được ảnh sẽ cho em và mẹ em xem!

Tôi càng nức nở. Quả đúng là tôi chưa có ảnh riêng để gửi cho anh. Tính tôi vốn hay xấu hổ, không quen đi chụp...

— Mẹ! Mẹ ơi! Con là... là Thảo đây! Diễm ơi, chị là... bạn của anh Sơn đây!

Cả mẹ, cả Diễm đều bàng hoàng kêu lên:

— Gì ơi! Thảo! Chị Thảo thật đấy ư? Thế mà bây giờ chị mới nói...

Cả hai mẹ con cùng òa khóc.

Tôi không sao nói nên lời nữa. Lúc này trong lòng tôi càng tràn ngập nỗi day dứt ân hận. Tôi đã có lỗi với anh, với cả Diễm! Hãy tha thứ cho em, anh Sơn! Hãy tha thứ cho đứa em gái bụng dạ còn nông nổi, nhỏ nhen, đố kỵ này! Em đã dám nghi ngờ cả một tâm hồn cao cả như anh!

Khi tôi ra về, Diễm bỗng nói:

—Chị ạ, em vẫn luôn luôn nhớ tới anh Sơn và nguyện noi gương anh...

Thêm một lần nữa tôi thấy Diễm, cô dân quân trẻ tuổi, sáng đẹp như sao băng!

GIA TÀI CỦA MẸ

Thế là tôi rời lộ Một, con lộ tráng nhựa phẳng lỳ, hai bên liên tiếp xóm ấp và các thị trấn lớn nhỏ tràn ngập hàng nhập cảng, con lộ mà một đồng chí trong đại đội tôi vừa được tranh thủ tát về thăm nhà ở Phan Thiết trở về đã tả lại một cách khá tỉ mỉ và một số đồng chí ở đơn vị khác, di dọc lộ Một, cũng đã nói về sự sầm uất này mà tôi không thể hiểu.

Hôm nay, đơn vị công binh cầu phà chúng tôi, sau chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, được lệnh quay trở ra. Khi vô, chúng tôi «thần tốc» đi theo đường Trường Sơn. Bây giờ hoàn toàn thắng lợi chúng tôi đang hoàng kéo quân trên lộ Một.

Quê tôi ở một ấp hẻo lánh phía tây con lộ ấy, vùng Phú Yên, cách chừng 20 kilômét. Tôi đã rời quê theo cha tập kết ra Bắc hồi hiệp nghị Giơnevơ. Lúc đó tôi mới lên mười. Ra đi mà khóc không còn nước mắt. Má tôi và bốn anh tôi cùng một chị gái đều ở lại. (Ba tôi thực sự không muốn đi, nhưng vì ông đau bệnh nặng, phải ra Bắc điều trị). Thế là đã hai một năm xa quê, nhưng tôi vẫn còn giữ nguyên trong mình hình ảnh một xóm ấp xanh rì, nhà cửa san sát. Đó là một vùng giải phóng trong suốt cả thời kỳ chống Pháp. Tôi vẫn giữ nguyên vẹn hình ảnh một dòng sông xanh êm đềm. Tôi

vẫn giữ nguyên vẹn hình ảnh mái nhà tranh ẩm áp của gia đình với mảnh vườn rộng phía sau, giáp với dòng sông, đầy cây ăn trái...

Tôi rời lộ Một, rẽ vào một con lộ nhỏ, trải đá rất xấu. Thoạt đầu cũng ngạc nhiên. Sau càng đi, càng hiểu rõ: thì ra chỉ có những con đường chiến lược, chỉ có những con đường ấy thôi mới được tráng nhựa, mở rộng.

Tôi được tranh thủ về phép thăm nhà. Tôi hỏi hộp xiết bao. Mặc dầu tôi và ba tôi ở ngoài Bắc đã được tin khá rõ: Má tôi đã ốm bệnh chết. Anh Hai tôi bị khui hầm. Một thằng Mỹ đã đâm ngạt một lưỡi dao găm giữa ngực anh. Anh Ba tôi bị bắt đày Côn Đảo. Anh Tư đi giải phóng ở Miền Tây. Chỉ còn chị Năm ở lại làng, nghe nói cũng bị tù đày, đánh đập nhiều lần. Hôm nay tôi có được gặp chị Năm không? Ôi chị Năm! Chị Năm! Ngày ra đi tôi vẫn giữ nguyên hình ảnh một cô gái mười lăm tuổi, với đôi mắt trong suốt tươi cười, với mái tóc xõa ngang vai...

Tôi đạp miết. Chiếc xe mượn được của đơn vị. Càng xa lộ Một, làng quê, đồng ruộng càng xơ xác. Qua đèo bay từng đàn trên bầu trời hoang vắng. Không còn một bóng cây to. Mặt đất như bị cào bằng. Loi ngoi những túm dừa nước dăm bụi cây nhỏ. Đầu đầu cũng chỉ là những túp lều tồi tàn, lụp xụp lợp bằng mấy miếng tôn rách quây bằng dăm mảnh tranh cũ hoặc mấy miếng vải bạt nhà binh. Đầu đầu cũng thấy hố bom, vết đạn đại bác, đầu đầu cũng có vỏ đạn, vỏ dờ hộp, giầy linh cũ, nón sắt bẹp, thùng đạn vỡ... Lác đác vài con trâu còm. Lác đác những bác nông dân tiêu tụy, những chú bé ngơ ngác... Dấu vết chiến tranh tàn phá vẫn còn y nguyên.

Thì ra, ở đây hoàn toàn không giống như ven các con lộ chiến lược. Thì ra, đây mới là bộ mặt thật của nông thôn miền Nam đau khổ này! Tôi cũng nhớ lại: khi tôi được trên cho phép tranh thủ về thăm nhà, có cậu đã reo ầm lên: «Chuyến này về tha hồ quà cáp nhé», hoặc «Chỉ toèng teng cái ba lô thôi ư? Phải dăm cái túi lưới nữa mới bỏ chứ!..» Tôi đã biết anh bạn tôi làm rồi. Anh mới chỉ đi qua những nơi «tử kính». Anh chưa có dịp đi sâu vào hai bên lộ như tôi bữa nay.

Tôi vẫn đạp miết, càng đi vùng đất quê hương xưa càng thêm xa lạ. Xa lạ đến đau lòng. Tôi phải dừng lại từng quãng để hỏi đường về ấp cũ. Bà con cô bác, nhiều người nhìn tôi bằng cặp mắt se sắt buồn:

— Đúng! Quê hương bị tàn phá bằng ấy năm trời còn chi mà chú nhớ được!

— Cháu đi hướng này, gặp bãi bom thì quẹo tay mặt...

— Tới cái ấp nhỏ bị đốt trụi hết cây cối, cháu quẹo tay trái.

Càng đi, càng chỉ như thấy đất hoang và... đất hoang

Nhưng rồi lòi cũng tới được xóm cũ. Và tôi cũng tìm thấy được chị Năm tôi trong một túp lều lợp bằng tôn và bao bố ở cuối xóm. Một lá cờ Giải phóng bay sáng cả mảnh vườn cọc cằn trụi cũ.

Hai chị em tôi chỉ còn biết ôm chầm lấy nhau mà khóc. Khóc mãi rồi chị đi nấu cơm. Chị lại khóc. Khóc rồi cười. Mái tóc chị đã úa bạc khá nhiều. Chị gầy khô, căng tay, căng chân teo lại. Thoạt mới gặp, tôi ngỡ chị là một bà già nào đó. Hai mươi năm qua, chị toàn sống dưới hầm. Nhiều khi chỉ có nắm rau lang, mấy chiếc bắp cầm hơi để bằm đất, xây dựng lại cơ sở. Hầm

răng chị đã gãy gần hết. Thiếu chất dinh dưỡng và bị tra tấn quá nhiều lần. Chị đã lấy chồng trong những năm đen tối cũ. Anh đi du kích. Hai vợ chồng chưa có được một mụn con thì anh hy sinh. Cuộc sống đầy bão táp. Chị vẫn cần có một người nương tựa. Chị đã đi bước nữa. Chị lấy một đồng chí huyện ủy. Đám cưới làm ở trên rừng. Chưa quá một năm sau, đồng chí huyện ủy lại bị địch bắt. Chúng cắt đầu anh treo trước ấp... Từ đó, chị không bao giờ nhắc tới việc chồng con nữa...

— Chị ơi, chị cho em đi thăm mộ mẹ ngay đi, chị!

— Khoan đã em, ăn hột cơm vô bụng cho đỡ đói đã! Mẹ nằm cũng không xa đây lắm đâu!

Tôi ngồi ngắm mãi tấm thân còm cõi của chị, ngắm mãi túp lều rách nát. Tôi mơ tới ngôi nhà xưa, mảnh vườn xưa, mơ tới tất cả những ngày thơ ấu êm đềm cũ... Mơ mà nước mắt chảy dài.

Cơm xong, bữa cơm độn bắp cùng mấy lát cá kho mặn, chị Năm thu dọn lại gian lều rồi sửa soạn đưa tôi đi thăm mộ mẹ. Chị cúi húi mở một chiếc rương gỗ đã cũ mọt, lục tìm lấy ra một chiếc túi vải nhỏ. Mặt chị thoát tái đi, nhưng đôi mắt lại sáng lên và long lanh có ngấn nước. Chị mở túi vải. Đôi bàn tay chị lóng ngóng mãi. Chị lấy ra một chiếc khăn tay cuộn tròn. Chị lại run rẩy mãi mới mở được chiếc khăn, rồi chìa ra trước mặt tôi. Tôi trở mắt nhìn. Trên chiếc khăn tay là mấy vật gì màu xám đen, khô quắt tựa như mấy hạt cau khô. Tôi không hiểu. Tôi ngừng lên nhìn chị.

— Em không hiểu là phải! Nhưng cứ thử đoán xem...

Tới lúc ấy, một cái gì bỗng như từ một cõi xa xăm nào đó mới bắt đầu le lói trở lại trong trí nhớ vẫn còn

khá mù mờ của tôi. Tìm tôi rộn lên. Tôi ngờ ngợ. Sau đó tôi đã nhận ra được mấy vật nhỏ khô đen ấy là những cái gì rồi. Đó là những cái núm rốn trẻ sơ sinh. Tôi bàng hoàng. Và tôi nhớ rõ rồi! Mẹ tôi xưa có một thói quen, mà hồi nhỏ tôi không sao hiểu, và bà con làng xóm cũng cho là kỳ cục: cứ mỗi lần sinh được một đứa con, tới khi đứa con rụng rốn, mẹ lại cắt kỹ chiếc núm rốn đi. Một bữa nào đó, hồi còn thơ bé, tôi đã được mẹ chia cho xem chiếc núm rốn của chính mình:

— Bé cưng! Đây này, núm rốn của bé đây!

Tôi cười ran và cảm ném tót ra sàn. Mẹ vừa la vừa nhào ra nhặt lên, thổi phù phù cho sạch bụi.

— Má! Má giữ làm chi? Vứt đi!

— Không. Giữ lại chứ, bé!

— Giữ làm chi?

— Má giữ lại hết! Đứa nào má cũng giữ, lớn lên, chúng bay sẽ hiểu. Má thương chúng bay. Má lo cho chúng bay suốt đời! Phải biết thương yêu nhau, đừng bọe nhau, con à!..

Và sau đó, mãi cho tới khi lên tám, lên chín, tôi mới được biết rõ hơn tại sao mẹ tôi đã giữ lại từng cái núm rốn của các con của mẹ.

... Quê nội tôi vốn gốc ở một làng thuộc vùng đất sàu hơn nữa kia vùng đất mà các cụ ngày xưa vẫn cho là cứng đầu cứng cổ, không chịu khuất phục cường quyền, vùng đất sinh lắm anh hùng, nhưng cũng là vùng đất họ mạc hay bất hòa. Chẳng phải do « đất » hay một sự ngẫu nhiên nào đó mà mấy chị trong họ tôi cũng có bất hòa. To thì từ thóa mạ nhau đến gây sát đầu mẻ trán nhau; nhỏ thì tranh lẫn chút bờ tre gốc dừa, bằng

mặt chẳng băng lòng nhau. Cũng chính vì bất hòa sâu sắc với bác tôi mà cha tôi đã bỏ làng, lìa họ đến vùng Phú Yên này kiếm ăn. Họ đang dòng người bồng thành đơn độc lẻ loi. Những ngày giỗ tết, chính tôi, hồi thuở bé đã đòi ba lần trông thấy cha tôi thần thờ ngoài ngõ, hướng về miệt đất cũ, nước mắt lưng tròng. Mẹ tôi thương cha tôi không sao nói hết. Cũng do đó mẹ tôi thường bảo chúng tôi: «Mẹ không mong mai sau lũ, bay giàu sang chi hết. Chỉ mong sao anh chị em đoàn tụ, thương yêu, đùm bọc nhau. Thế là nhà có phúc rồi!» Bởi vậy để đưa con nào mẹ cũng giữ nùm rốn để rồi khi lớn lên hiểu được chút ít, mẹ lại lấy nắm nùm rốn ra, lại dạy một câu mà anh chị em chúng tôi đã thuộc lâu: «Anh chị em phải biết đùm bọc nhau!».

Nhìn những chiếc nùm rốn chụm vào nhau giữa lòng bàn tay, tôi bật khóc thành tiếng. Chị Năm cứ mặc cho tôi khóc. Tôi khóc vì thương nhớ mẹ. Cả vì niềm kính yêu, tự hào đối với mẹ. Tôi đã hiểu tất cả gia tài mẹ để lại chỉ có thể này, nhưng quý báu biết bao nhiêu, giàu có biết bao nhiêu! Đây là tình thương yêu mệnh mòng. Đây là niềm hy vọng, là tất cả lời nhắn nhủ khuyên răn của mẹ. Mẹ ơi! Con biết nói sao đây? Con biết cách nào để giải bày tất cả niềm đau khổ và sung sướng của đứa con lúc này? Đúng là dù mất hết, nhưng niềm tin và lời giáo huấn của mẹ không bao giờ mất! Mẹ ơi! Có được ngày chiến thắng hôm nay, chính vì đã có cả những người biết hy sinh, biết giáo huấn các con mình như mẹ...

Thế rồi hai chị em tôi ra cánh đồng và chúng tôi cùng ngồi thụp xuống bên một nắm đất, trên có chõng đắp nhiều viên đá lớn nhỏ. Không có hương. Chúng tôi chỉ im lặng. Càng nghĩ về quá khứ, nước mắt tôi

càng đồ rỗng. Nhưng không phải chỉ có nghĩ về quá khứ. Mà chính lúc này đây, tôi đang sống trong những giờ phút đầu tiên của một cuộc đời mới đang mở ra rực rỡ ở phía trước.

Gió buổi chiều lồng lộng như ngựa hoang trên cánh đồng xơ xác đầy vết bom đạn, đầy dây kềm gai... Nhưng ngực tôi vẫn ấm, càng ấm hơn vì gói núm rốn của anh chị em tôi mà mẹ để lại.

Ngay hôm sau tôi trở ra lộ Một, đạp xe đuổi theo đơn vị. Tôi muốn phóng về cho nhanh. Gặp đơn vị, tôi sẽ giơ túi núm rốn khô đen này, reo lên với đồng đội của tôi rằng: « Anh em ơi! Tôi có một món quà! Tôi đã có một gia tài của mẹ để lại! Một gia tài rất lớn!... »

Và tôi cũng sẽ nói thêm với đồng đội của tôi những gì tôi đã thấy và đã suy nghĩ trên hai đoạn đường: đoạn ven lộ Một và đoạn rời ven lộ Một đi vào tận miền thôn xóm quê tôi.

Tháng 12 năm 1975